

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Địa chỉ: 27 Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, Phường 09, Tp Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 074 3 740 234

Website: [www.tvpharm.com.vn](http://www.tvpharm.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM**

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2016**



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2016

*Trà Vinh, tháng 04 năm 2017*



# 01

## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



## MỤC LỤC

# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình sản xuất kinh doanh

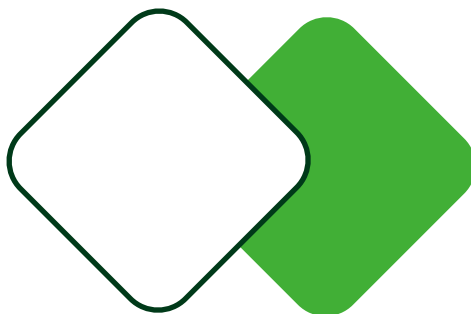
Tổ chức & nhân sự

Tình hình đầu tư & thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo phát triển bền vững



## 03

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Về tình hình hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Kế hoạch phát triển

Báo cáo về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội

## 04

### **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Về các mặt hoạt động

Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Kế hoạch và định hướng

## 05

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN**

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



## THÔNG TIN CHUNG

**Thông tin khái quát**

**Quá trình hình thành & phát triển**

**Ngành nghề & địa bàn kinh doanh**

**Cơ cấu tổ chức**

**Định hướng phát triển**

**Các rủi ro**

## Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM**
- Tên tiếng Anh: TV.PHARM PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: TV.PHARM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2100274872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 09 tháng 5 năm 2003, thay đổi lần 12 ngày 23 tháng 01 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 100.800.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.800.000.000 đồng
- Trụ sở chính: 27, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, Phường 9, Tp Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
- Số điện thoại: 074 3 740 234 – 074 3 855372
- Số fax: 074 3 740 239
- Website: [www.tvpharm.com.vn](http://www.tvpharm.com.vn)
- Mã chứng khoán: **TVP**



## Quá trình hình thành & phát triển

1992 - 1994

- Tiền thân của Công ty là Công ty Dược - Vật tư y tế Trà Vinh, thành lập ngày 20 tháng 5 năm 1992.
- Năm 1994, Công ty thành lập Xí nghiệp sản xuất thuốc, sản xuất chủ yếu phục vụ nhu cầu khám trị bệnh cho nhân dân trong tỉnh

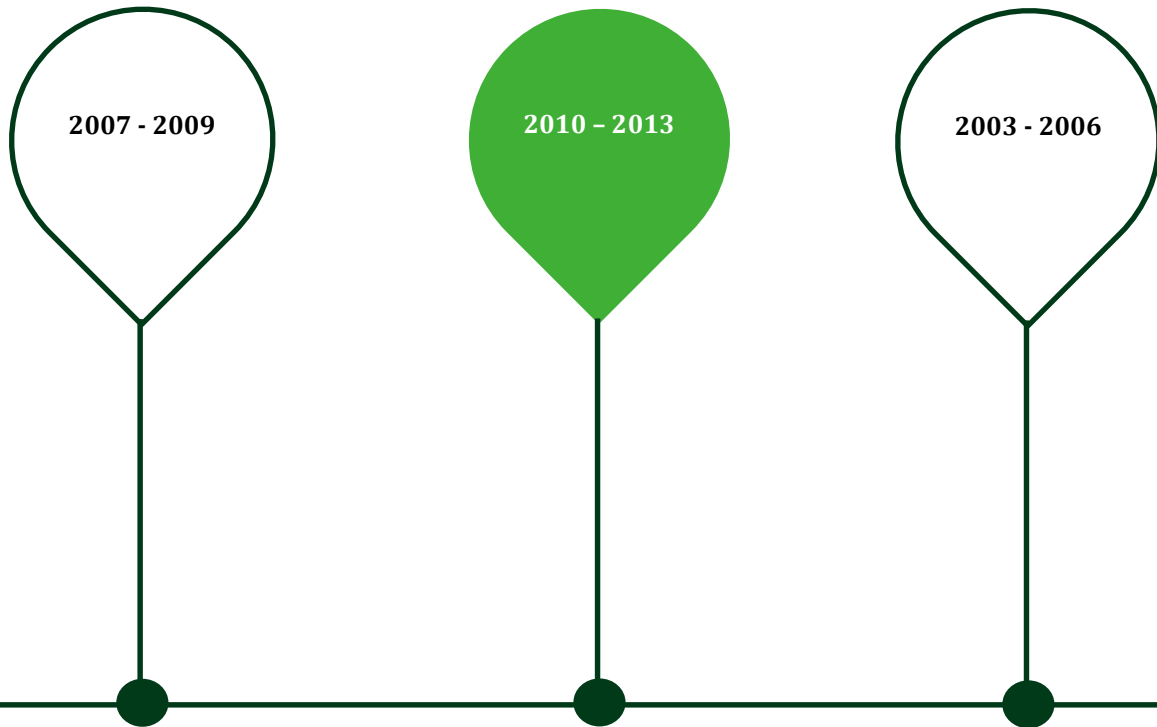
1997 - 2002

- Năm 1997, Công ty đầu tư xây dựng mới Nhà máy sản xuất dược phẩm Non $\beta$ -Lactam với dây chuyền công nghệ máy móc thiết bị hiện đại, trong đó có dây chuyền công nghệ mới về sản xuất thuốc dạng nang mềm đầu tiên trên cả nước.
- Tháng 12/1999, Công ty được Cục quản lý dược - Bộ Y Tế cấp Giấy chứng nhận nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn "Thực hành tốt sản xuất thuốc khối ASEAN" (GMP-ASEAN); Kho đạt tiêu chuẩn "Thực hành tốt bảo quản thuốc"(GSP); Phòng Kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn "Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc" (GLP).
- Năm 2002, Công ty đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2000.

2003 - 2006

- Năm 2003, Công ty thực hiện cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần dược phẩm Trà Vinh.
- Năm 2006, Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM.





Giai đoạn này, Công ty đẩy mạnh đầu tư nâng cấp hệ thống sản xuất và xây dựng hệ thống quản trị chất lượng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm:

- Năm 2007, đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh  $\beta$  - Lactam với dây chuyền thuốc tiêm bột hiện đại nhập khẩu hoàn toàn từ Mỹ.
- Năm 2008, nâng cấp nhà máy Non  $\beta$  - Lactam từ tiêu chuẩn GMP - ASEAN lên tiêu chuẩn GMP - WHO. Cả 2 nhà máy Non  $\beta$  - Lactam và  $\beta$  - Lactam đều được công nhận đạt chuẩn GMP - WHO.
- Năm 2009, hệ thống quản lý chất lượng của Công ty được chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

- Năm 2010, Công ty ký kết hợp đồng xuất khẩu đầu tiên sang Nigeria.
- Năm 2013, Công ty xây dựng Nhà máy thực phẩm chức năng.

Năm 2016, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước SCIC hoàn tất việc thoái toàn bộ phần vốn góp tại TV.PHARM.

## Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc tân dược, đông dược, sinh phẩm y tế và thực phẩm chức năng; thuốc và nguyên liệu, tá dược dùng cho thú y; nguyên liệu, hương liệu, tá dược, bao bì dùng làm thuốc cho người và trang thiết bị dùng trong ngành y dược; mỹ phẩm, hóa chất xét nghiệm, thiết bị dùng trong phòng thí nghiệm (lý - hóa - sinh), thuốc sát trùng (dùng ngoài).
- Sản xuất thực phẩm dinh dưỡng, sữa, nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết, nước uống từ dược liệu và nước uống không chứa cồn.
- Kinh doanh vật tư y tế tiêu hao và đầu tư vào các công ty trong ngành dược

### Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm của Công ty được phân phối rộng khắp trên cả nước.

Ngoài ra Công ty cũng xuất khẩu sản phẩm sang một số quốc gia khác như Nigeria và một số nước ASEAN.

### Các phần thưởng cao quý

Danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”

Huân chương Lao động Hạng 1

Huân chương Lao động Hạng 2

Huân chương Lao động Hạng 3



Nhà kho đạt  
chuẩn GSP

Nhà máy  
thực phẩm  
chức năng

Phòng kiểm  
nghiệm đạt  
chuẩn GLP

Nhà máy  
Non $\beta$ -Lactam  
(tiêu chuẩn  
GMP-WHO)

Nhà máy  $\beta$  -  
Lactam (tiêu  
chuẩn GMP-  
WHO)

## Quy mô TV.PHARM

### Diện tích đất phục vụ sản xuất kinh doanh

Tổng diện tích đất phục vụ sản xuất kinh doanh của toàn công ty là khoảng 30.000m<sup>2</sup>, trong đó gồm những hạng mục chính như sau:

- Văn phòng công ty diện tích 500m<sup>2</sup>.
- Nhà máy Non $\beta$ -Lactam (tiêu chuẩn GMP-WHO), diện tích 1.400m<sup>2</sup>, công suất 800 triệu viên/năm.
- Nhà máy  $\beta$ -Lactam (tiêu chuẩn GMP-WHO): diện tích 1.400m<sup>2</sup>, công suất 420 triệu viên/năm, 06 triệu gói/năm. Đặc biệt, Nhà máy  $\beta$ -Lactam có dây chuyền sản xuất thuốc tiêm công suất 10 triệu lọ/năm.
- Nhà máy thực phẩm chức năng: diện tích 360m<sup>2</sup>, công suất 240 triệu viên/năm.
- Phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP, diện tích 300m<sup>2</sup>.
- Nhà kho đạt tiêu chuẩn GSP, tổng diện tích 2.500m<sup>2</sup>.
- Văn phòng các Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ, Trà Vinh và các hiệu thuốc trong địa bàn tỉnh Trà Vinh, tổng diện tích 3.200m<sup>2</sup>



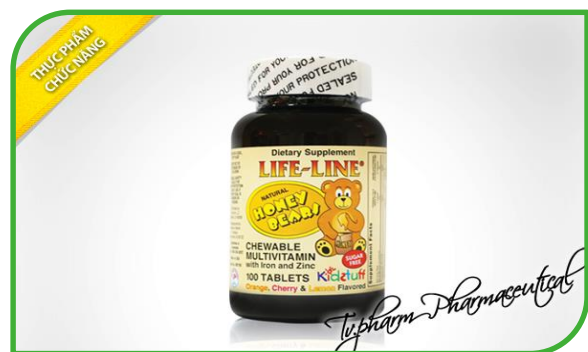
## Các nhóm sản phẩm do Công ty sản xuất

Hiện nay sản phẩm của TV.PHARM rất đa dạng bào chế, thuộc các nhóm hàng sau:

- Nhóm kháng sinh Cephalosporin
- Nhóm hô hấp
- Nhóm kháng viêm
- Nhóm kháng histamin
- Nhóm giảm đau, hạ sốt
- Nhóm tim mạch, huyết áp
- Nhóm đường huyết
- Nhóm tiêu hóa, đường ruột
- Nhóm thần kinh, tuần hoàn não
- Nhóm vitamin bổ dưỡng

Các sản phẩm có thương hiệu được khách hàng tin nhiệm:

- Dòng sản phẩm  $\beta$ -lactam: TRAFORAN, TRAFUCEF-S, TRAVINAT, TV-ZIDIM, ...
- Dòng sản phẩm Non  $\beta$ -lactam: VARTEL 20mg, CLOPIDOGREL 75mg, PANCIDOL EXTRA, TV-OMEPRAZOLE, PRAZOPRO 40mg, PRAZOPRO 20mg, TESMISARTAN, TERPIN CODEIN, DIANGESIC CODEIN, NEO-CORCLION F, TV.PAPEN F, ...

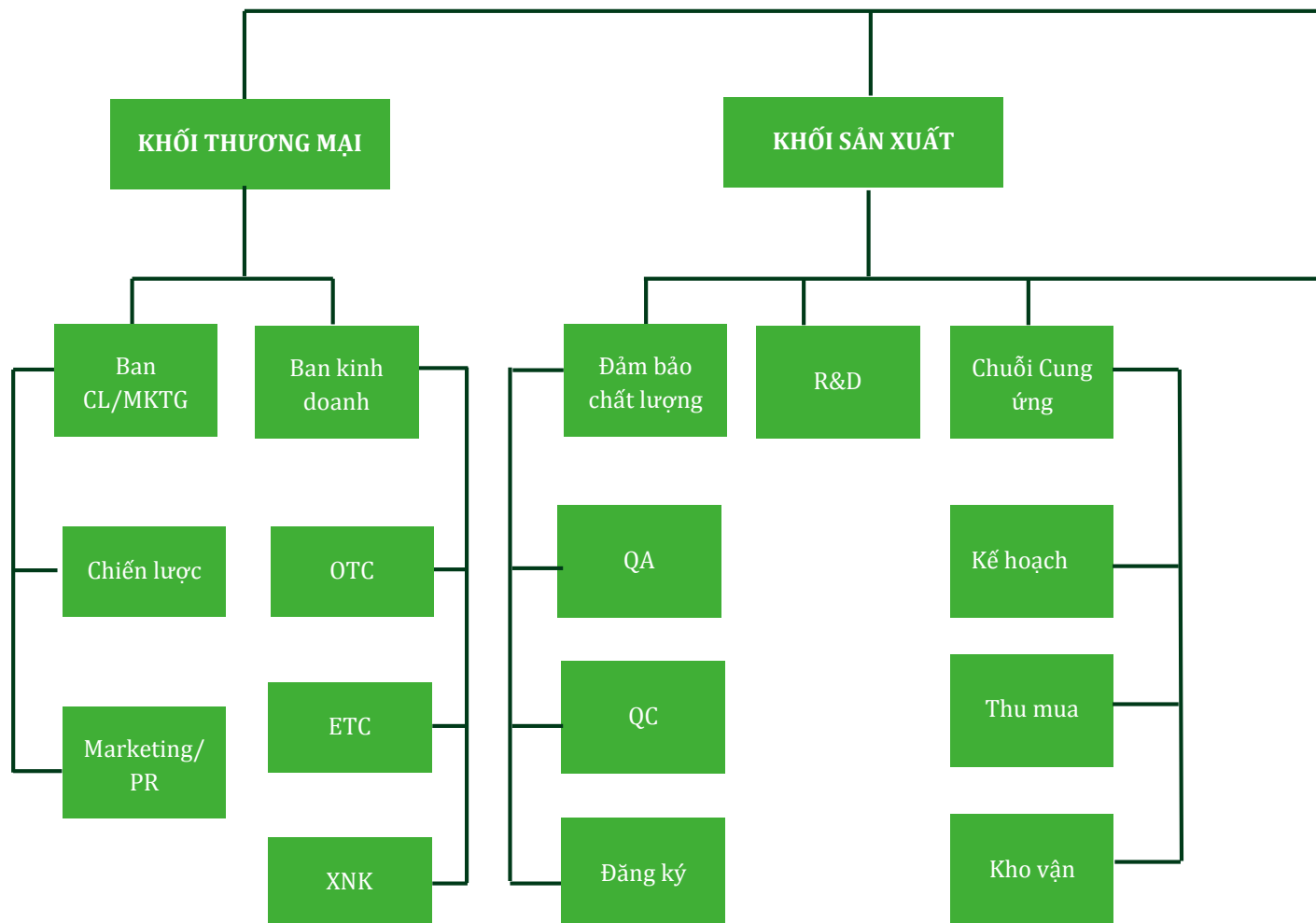


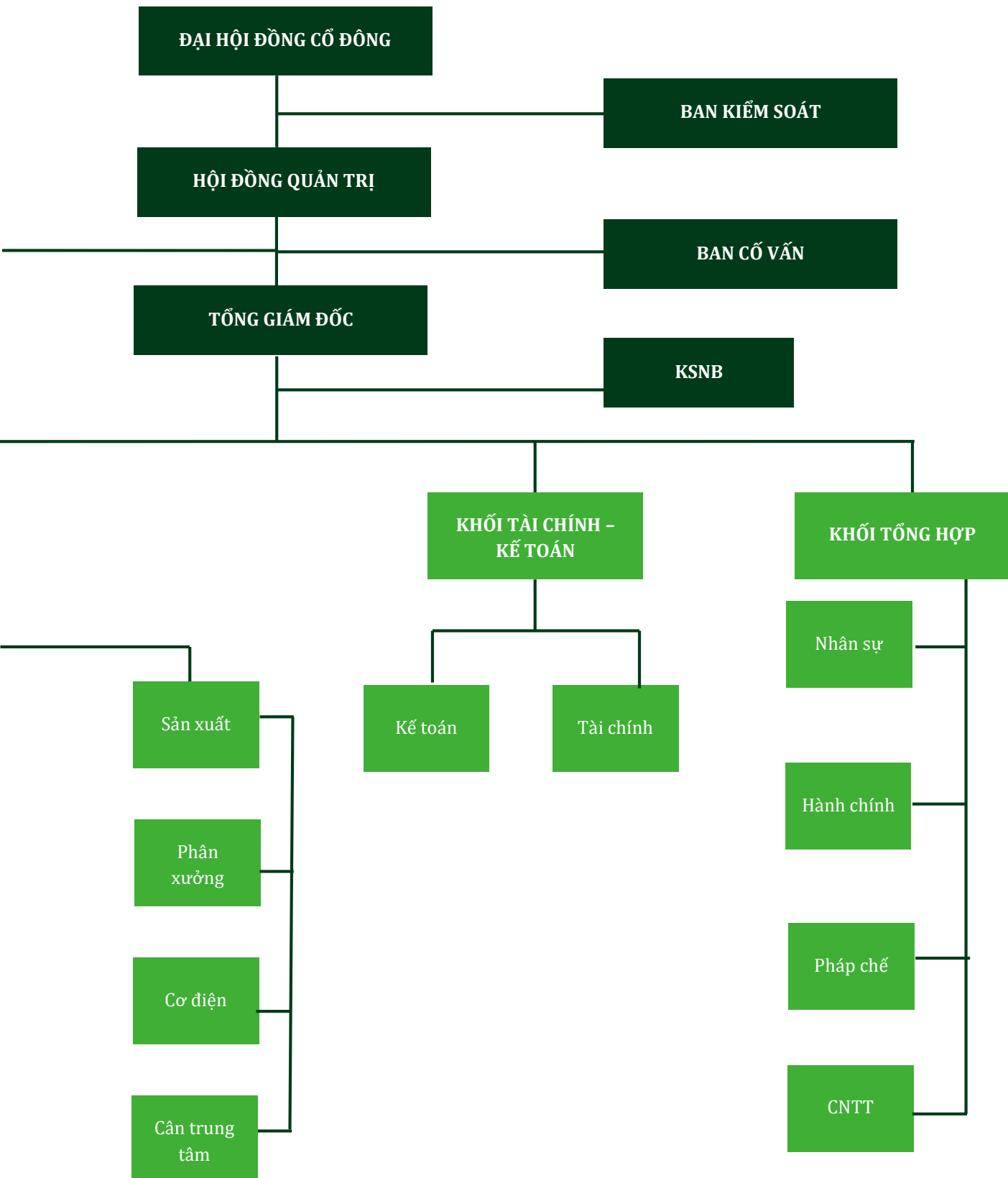
## Các chi nhánh trực thuộc

<b>1</b>	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI HÀ NỘI</b>
	Địa chỉ: Số 22, Lô 11B, Trung Yên 10, KĐT Trung Yên, p.Trung Hòa, q. Cầu Giấy, Hà Nội.
	SĐT: 043.7833.516
<b>2</b>	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI ĐÀ NẴNG</b>
	Địa chỉ: Số 423, Trưng Nữ Vương, Hải Châu, Đà Nẵng
	SĐT: 0511.3633.951
<b>3</b>	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI ĐĂKLĂK</b>
	Địa chỉ: A8, Khu Hiệp Phúc, Phường Tân Lợi, Buôn Mê Thuột, ĐăkLăk
	SĐT: 0500.3877.784
<b>4</b>	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI KHÁNH HOÀ</b>
	Địa chỉ: Lô 60, Đường B1, Khu đô thị Vĩnh Diễm Trung, Nha Trang, Khánh Hoà
	SĐT: 0583.896.579
<b>5</b>	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI ĐỒNG NAI</b>
	Địa chỉ: Số 29, Hồ Văn Đại, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
	SĐT: 061.3943.504
<b>6</b>	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b>
	Địa chỉ: Q1A, Bạch Mã, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
	SĐT: 0839.702.315
<b>7</b>	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI AN GIANG</b>
	Địa chỉ: Số 11B, Bùi Thị Xuân, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, An Giang
	SĐT: 076.6253.137
<b>8</b>	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI CẦN THƠ</b>
	Địa chỉ: Số 17 B2, Khu dân cư 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
	SĐT: 0710. 3781.345
<b>9</b>	<b>CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRÀ VINH</b>
	Địa chỉ: 27 Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, Phường 9, Tp Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
	SĐT: 0743.753.072

## Cơ cấu tổ chức

VP HĐQT





## Định hướng phát triển

### Các mục tiêu chủ yếu

- Phấn đấu đạt mục tiêu về doanh thu và lợi nhuận do Đại hội cổ đông đề ra.
- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động.
- Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.
- Trở thành một trong 10 doanh nghiệp sản xuất dược phẩm lớn nhất tại Việt Nam vào năm 2020.
- Xuất khẩu sản phẩm của Công ty sang thị trường xuất khẩu mục tiêu là ASEAN và Châu Phi.

### Các mục tiêu phát triển bền vững

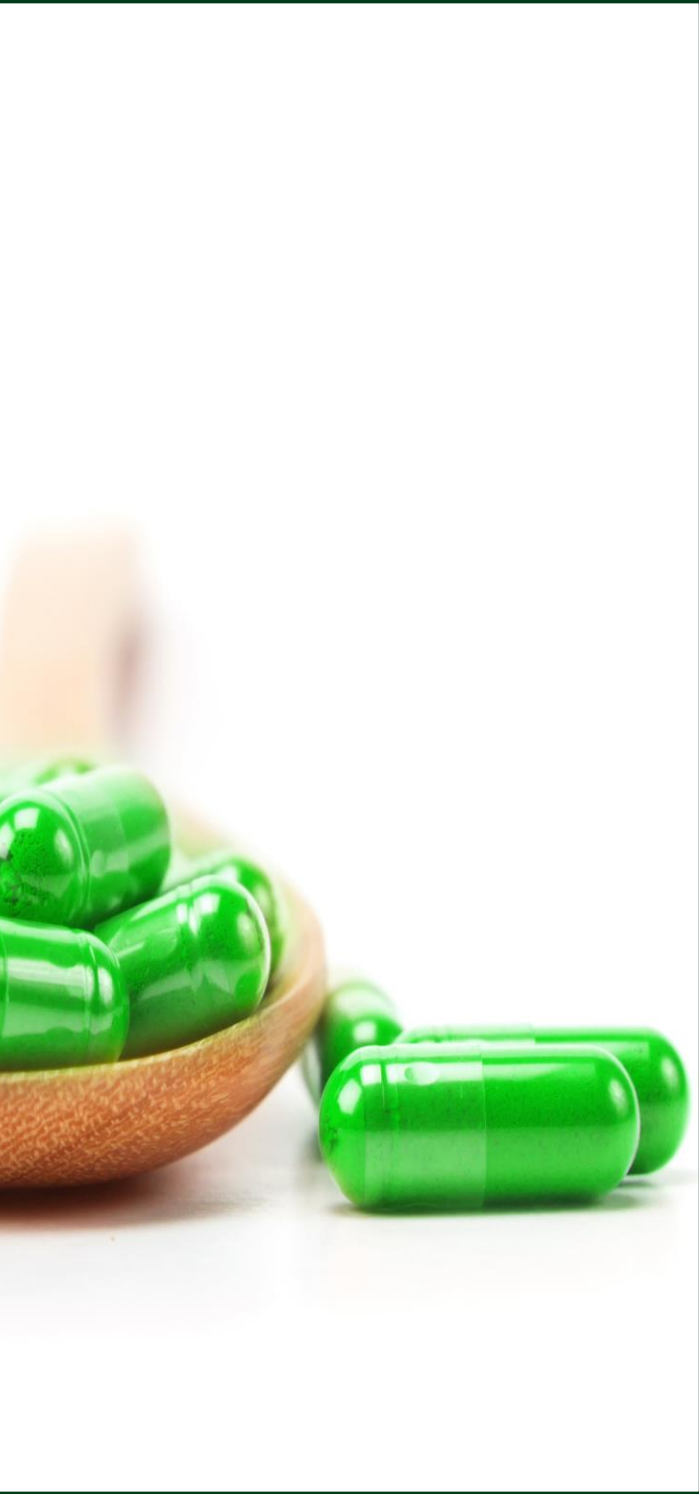
- Với phương châm “Vì sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cộng đồng”, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm mới chất lượng cao.
- Công ty cũng chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng thông qua các hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện ...
- Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng sử dụng hợp lý nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên, và tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức của công nhân viên và cộng đồng dân cư.





## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng và duy trì hệ thống nhận diện thương hiệu TV.Pharm.
- Phát triển việc gia công thuốc và sản xuất nhượng quyền.
- Tăng cường đội ngũ nghiên cứu và đăng ký thuốc để các dòng sản phẩm được đa dạng và phong phú. Nghiên cứu chuyên sâu về độ tương đương sinh học cho các sản phẩm tim mạch và tiểu đường. Phát triển các generic khi các nhà sản xuất nước ngoài hết thời gian bảo hộ.
- Định hướng phát triển dòng sản phẩm Travicol trở thành hàng thông dụng trong nhà thuốc và củng cố thương hiệu TV.Pharm đến với khách hàng bằng các chương trình nhỏ lẻ, chuyên sâu, cụ thể làm từng chi nhánh để đảm bảo độ phủ, độ tiếp cận hàng của khách hàng. Ký hợp đồng riêng cho dòng sản phẩm Travicol.
- Tăng cường phát triển dòng sản phẩm thực phẩm chức năng do TV. Pharm sản xuất.
- Tập trung nguồn vốn đầu tư nhà máy, dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất, kiểm soát chi phí hướng đến tối đa hóa lợi nhuận.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các hoạt động tìm kiếm, tuyển dụng tại các trường đại học, cao đẳng dược. Đồng thời, tổ chức các chương trình đào tạo, tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên Công ty được tham gia các khóa học nâng cao trình độ nghiên cứu, bào chế,... nhằm đáp ứng định hướng phát triển của Công ty.
- Xây dựng, triển khai chính sách bán hàng hợp lý nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận và gia tăng độ phủ tại thị trường trong nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng tìm kiếm đối tác để gia tăng sản xuất nhượng quyền và gia công nhằm tối đa hóa công suất hoạt động của nhà máy, tăng nguồn thu nhập cho người lao động.
- Từng bước củng cố lại mạng lưới phân phối, thông tin khách hàng và gia tăng số lượng khách hàng. Định hướng tập trung phát triển hệ thống phòng khám, phòng mạch bác sĩ để phát triển nhóm hàng tim mạch và tiểu đường (đây cũng là nguồn khách hàng rất lớn).
- Đẩy mạnh xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.



## Các rủi ro

### Rủi ro Kinh tế

Hoạt động của TV.PHARM chịu nhiều tác động từ các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Năm 2016, nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, và được dự báo sẽ tạo ra nhiều thử thách hơn cho các doanh nghiệp. Trong năm qua, cả ba nền kinh tế lớn nhất thế giới đều bị tác động bởi những sự kiện lớn: kết quả của cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ dự báo một năm đầy biến động với nền kinh tế nước này nói chung và tỷ giá của Đồng USD nói riêng trong thời gian tới; kinh tế Trung Quốc cũng bắt đầu cho dấu hiệu chững lại sau một thời kỳ tăng trưởng nhanh, kinh tế Châu Âu được dự báo sẽ có một năm âm ảm trong tình trạng xung đột của các thành viên EU trước vấn đề nợ công, nhập cư và chủ nghĩa khủng bố.

Những sự kiện trên cũng gây ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2016 chỉ đạt mức 6,21%, thấp hơn năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng đã đề ra. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát được kiểm chế, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được mục tiêu tăng trưởng ổn định. Bên cạnh đó, Việt Nam đang trong thời kỳ dân số trẻ và thu nhập của người dân đã cao hơn trước nên người tiêu dùng Việt Nam ngày càng quan tâm hơn đến việc chăm sóc sức khỏe, tạo ra nguồn cầu rất lớn về các sản phẩm dược như thuốc tân dược hay thực phẩm chức năng, mang đến cho Công ty một thị trường tiềm năng nhưng nhiều cạnh tranh.

### Rủi ro tỷ giá

Các doanh nghiệp dược Việt Nam nói chung và TV.PHARM nói riêng đều nhập khẩu dược liệu cho sản xuất và các sản phẩm thuốc tân dược khác cho hoạt động kinh doanh thương mại. Khi tỷ giá tăng, kết quả hoạt động kinh doanh cũng sẽ trực tiếp bị ảnh hưởng. Chính vì thế, TV.PHARM luôn chủ động theo dõi các diễn biến về tỷ giá, đặc biệt lưu ý đến tỷ giá USD/VND và CNY/VND, nhằm đánh giá, dự đoán xu hướng để có thể giảm thiểu tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

### Rủi ro pháp luật

Là một công ty đại chúng, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống luật và văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Lao Động ... Ngoài ra, năm 2016, Luật Dược sửa đổi đã được thông qua và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 với những điều chỉnh về đầu tư, sản xuất thuốc cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty trong năm 2017.

Môi trường pháp luật Việt Nam trong tương lai sẽ có nhiều sự thay đổi nhằm tạo ra hành lang pháp lý chặt chẽ và khoa học, hướng đến một môi trường đầu tư tốt hơn cho doanh nghiệp. TV.PHARM sẽ liên tục cập nhật và điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, để thích nghi với những sự thay đổi từ pháp luật một cách kịp thời.

### Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro đã được trình bày, Công ty còn phải đối mặt với những tình huống khác như thiên tai, cháy nổ, hỏa hoạn, ... Đây là những trường hợp bất khả kháng, khi xảy ra sẽ để lại thiệt hại nặng nề về người và tài sản. Chính vì thế, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động; an toàn về Phòng cháy chữa cháy và mua bảo hiểm tất cả tài sản, con người của Công ty.

## Rủ ro môi trường

Trong những năm gần đây, công chúng rất chú trọng đến trách nhiệm của các công ty đối với môi trường và xã hội. Những ngành sản xuất công nghiệp thường để lại những hậu quả nặng nề cho môi trường sống xung quanh khu vực. Chính vì thế, bên cạnh việc đầu tư cho các hoạt động kinh doanh, Công ty cũng nghiêm túc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, mà trọng tâm là các hoạt động xử lý nước thải, tránh tình trạng gây ô nhiễm và ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng dân cư. Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành dược, hướng đến mục tiêu vì sức khỏe của cộng đồng, TV.PHARM càng ý thức rõ hơn về trách nhiệm của Công ty trong việc xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh.

## Rủ ro đặc thù ngành

Hiện nay, ngành công nghiệp Hóa dược Việt Nam vẫn chưa đủ phát triển để có thể cung cấp nguyên liệu sản xuất thuốc cho ngành dược. Nguyên liệu đầu vào mà trong nước có thể cung cấp là các thảo dược như Artiso, đinh lăng, cam thảo, diệp hạ châu,... mà nguồn cung cấp này cũng chỉ có thể đáp ứng khoảng 10% nhu cầu dành cho sản xuất thuốc đông dược. Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, nguồn cung cấp nguyên liệu sản xuất cho ngành dược tại Việt Nam đa phần từ Trung Quốc và Ấn Độ. Hai quốc gia này chủ yếu cung cấp nguyên liệu giá rẻ (khác với nhóm các nhà cung cấp nguyên liệu chất lượng cao đến từ Mỹ và Châu Âu), nên chất lượng và giá cả không ổn định và đồng đều giữa các nhà sản xuất nguyên liệu. Để hạn chế rủi ro này, Công ty thực hiện rà soát cẩn thận trước khi lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu chính, đồng thời xây dựng những thỏa thuận về giá cả với nhà cung cấp để đảm bảo nguồn cung nguyên liệu có chất lượng và giá đầu vào ổn định.

Trong ngành dược, vấn đề bản quyền thuốc khá nghiêm ngặt khiến cho TV.PHARM gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận với các công thức thuốc mới. Trong tương lai, các hiệp định hợp tác song phương và đa phương giữa Việt Nam ký kết với các đối tác cũng sẽ đặt ra những tiêu chuẩn cao hơn đối với thuốc generic và các đối tác cũng thường có xu hướng kéo dài thời gian bảo hộ đối với thuốc sáng chế. Vì thế, các công ty dược Việt Nam nói chung và TV.PHARM nói riêng sẽ bị trở ngại lớn trong việc phát triển sản phẩm và có thể dẫn đến mất thị phần trước các đối thủ lớn.

## Rủ ro cạnh tranh

Thị trường dược phẩm Việt Nam được đánh giá là một thị trường tiềm năng với tỷ lệ tăng trưởng nhanh nhất Châu Á. Tuy nhiên, các công ty dược tại Việt Nam hầu như chỉ tập trung vào sản xuất các dòng thuốc phổ biến, thông thường mà bỏ ngỏ phân khúc thuốc đặc trị, chuyên khoa cho các nhà sản xuất nước ngoài. Chính điều này khiến cho áp lực cạnh tranh trong phân khúc thuốc phổ thông ngày càng gay gắt. TV.PHARM phải đối mặt với sức ép từ những doanh nghiệp lớn trong nước như Dược Hậu Giang, Imexpharm,... Bên cạnh đó, thực tế người tiêu dùng tại Việt Nam thường có xu hướng ưa chuộng các sản phẩm ngoại nhập hơn là sản phẩm nội địa khiến áp lực cạnh tranh ngày càng nặng nề hơn đối với không chỉ riêng TV.PHARM mà còn với các doanh nghiệp dược nội địa khác.

Là một trong những ngành công nghiệp được Nhà nước khuyến khích phát triển, sắp tới khi nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu và rộng với Thế giới, áp lực cạnh tranh trong ngành chắc chắn sẽ gia tăng, đòi hỏi Công ty phải có những chiến lược phát triển sản phẩm, để có thể tồn tại và phát triển.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức & nhân sự

Tình hình đầu tư & thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo phát triển bền vững

## Tình hình sản xuất trong năm

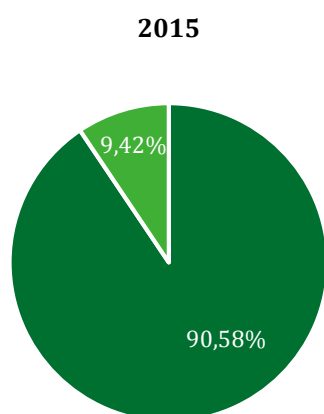
### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	TH 2016	TH2016/TH2015
Doanh thu thuần	Triệu đồng	381.982	356.615	93,36%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	34.959	32.187	92,07%

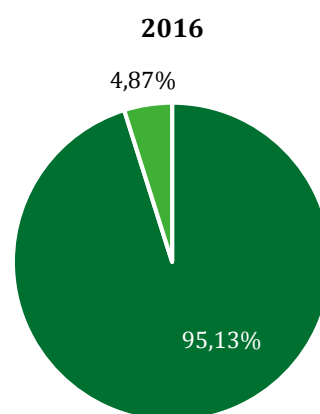
Thị trường dược phẩm Việt Nam đang chứng kiến sự cạnh tranh quyết liệt giữa các công ty sản xuất, doanh nghiệp phân phối dược phẩm trên cả hai kênh phân phối là kênh ETC (thông qua bệnh viện và các cơ sở y tế) và kênh OTC (thông qua hệ thống nhà thuốc, các phòng mạch,...). Với năng lực nội tại còn nhiều hạn chế, TV.PHARM gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh với các đối thủ. Tuy nhiên, với những nỗ lực, sự quyết tâm và đoàn kết trong tập thể cán bộ công nhân viên cùng với những chính sách, đường lối phù hợp từ Ban điều hành, Công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Kết thúc năm 2016, doanh thu thuần của Công ty được ghi nhận ở mức 356,62 tỷ đồng, tương đương 93,36% so với doanh thu thực hiện năm 2015. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 32,19 tỷ đồng, tương đương 92,07% kết quả hoạt động kinh doanh cuối năm 2015.

### Cơ cấu doanh thu bán hàng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu từ hoạt động sản xuất	Triệu đồng	346.002	90,58%	339.238	95,13%
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	35.980	9,42%	17.377	4,87%
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>381.982</b>	<b>100,00%</b>	<b>356.615</b>	<b>100,00%</b>



- Doanh thu từ hoạt động sản xuất
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh



- Doanh thu từ hoạt động sản xuất
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ lệ/ doanh thu	Giá trị	Tỷ lệ/ doanh thu
Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất	Triệu đồng	136.407	39,42%	126.104	37,17%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	2.905	8,07%	1.653	9,51%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	139.312	36,47%	127.757	35,82%

Doanh thu bán hàng của Công ty bao gồm doanh thu từ các sản phẩm Công ty sản xuất và doanh thu từ kinh doanh thương mại. Trong cơ cấu doanh thu bán hàng của Công ty, doanh thu từ hoạt động sản xuất chiếm tỷ trọng cao nhất. Năm 2016, doanh thu từ hoạt động sản xuất đạt 339,24 tỷ đồng, tương đương 98,05% so với kết quả doanh thu lĩnh vực này năm 2015. Trong khi đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại đạt 17,38 tỷ đồng, tương đương 48,30% cùng kỳ năm 2015.

Năm 2016, Công ty đang có xu hướng đẩy mạnh lĩnh vực sản xuất nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động. Điều này được thể hiện qua sự thay đổi về tỷ trọng của hai lĩnh vực trong cơ cấu tổng doanh thu bán hàng. Cụ thể, lĩnh vực sản xuất tăng tỷ trọng từ 90,58% năm 2015 lên 95,13%, trong khi lĩnh vực kinh doanh thương mại giảm tỷ trọng từ 9,42% năm 2015 còn 4,87% trong năm nay.

Thực tế cho thấy, hoạt động sản xuất tạo điều kiện cho Công ty kiểm soát giá vốn hàng bán thông qua kiểm soát chi phí sản xuất đầu vào, trong khi đối với hoạt động kinh doanh thương mại, Công ty phải chịu sự kiểm soát về giá vốn từ nhà cung cấp. Chính vì thế, hoạt động sản xuất mang lại cho Công ty tỷ lệ lợi nhuận gộp cao hơn mảng kinh doanh thương mại. Trong bối cảnh các doanh nghiệp dược Việt Nam cạnh tranh về rất gay gắt, hướng đi này được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện để Công ty đạt kết quả tích cực hơn trong thời gian sắp tới.



## Tổ chức & nhân sự

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đăng Nguyên	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hà Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Đinh Nguyên Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị

### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lưu Hoài Nam	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Huỳnh Thị Hồng Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lê Hữu Phước	Thành viên Ban Kiểm soát

### Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Sĩ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Kế toán trưởng

## Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

### Ông Nguyễn Hồng Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	21/12/1973
Địa chỉ thường trú	số 24, 19/15 Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Tổng hợp London -Anh

Quá trình công tác:

Từ 2011 - 2014: Thành viên HĐQT CTCP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec

Từ 2011 - 2016: Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

Từ 2010 - nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Việt Nam – Ô Man

Từ 2014 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. HCM

Từ tháng 11/2016 - nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Dược phẩm TV.Pharm

Tổng số cổ phần sở hữu đến ngày 27/10/2016	0 cổ phần (0% vốn điều lệ)
--	----------------------------

Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
----------------------------	-----------

Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần
---------------------------	-----------

### Ông Nguyễn Đăng Nguyên – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	1960
Địa chỉ thường trú	28 Đường 81, Phường Tân Quy, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ học vấn	Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

Từ 01/1984 - 6/1992: Giáo viên Trường trung học y tế Cửu Long

Từ 7/1992 - 9/2001: Trưởng phòng kế hoạch nghiệp vụ Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

Từ 10/2001 - 5/2003: Phó Giám đốc Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

Từ 5/2003 - 11/2011: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Từ 11/2011 - 11/2016: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Từ 11/2016 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Tổng số cổ phần sở hữu đến ngày 27/10/2016	1.250.126 cổ phần (12,40% vốn điều lệ)
--	--

Số cổ phần đại diện sở hữu:	0 cổ phần
-----------------------------	-----------

Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.250.126 cổ phần
---------------------------	-------------------



**Ông Hà Ngọc Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị**

Ngày/tháng/năm sinh	19/08/1974
Địa chỉ thường trú	Tổ 7, Phường Giang Biên, Long Biên, Hà Nội
Trình độ học vấn	Cử nhân kinh tế - chuyên ngành Marketing

## Quá trình công tác:

Từ 4/2001 - 3/2003: Đại diện phụ trách xuất nhập khẩu hàng hóa nông sản sang thị trường Nga cho công ty Danh Sơn tại TP.HCM

Từ 4/2003 - 1/2006: Tham gia là thành viên sáng lập và phụ trách sản xuất của Công ty CP Thực phẩm Việt Nam

Từ 02/2006 - nay: Giám đốc điều hành Công ty CP Thực phẩm Việt Nam

Từ 11/2016 - nay: Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Dược phẩm TV.Pharm

Tổng số cổ phần sở hữu đến ngày 27/10/2016	0 cổ phần (0% Vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần

**Ông Đinh Nguyên Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị**

Ngày/tháng/năm sinh	10/04/1974
Địa chỉ thường trú	110 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ học vấn	Cử nhân Cao học kinh tế

## Quá trình công tác:

Từ 2003 - 2010: Trưởng phòng Marketing tại Công ty Nikon Việt Nam.

Từ 2011 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty BIC Investment

Từ tháng 11/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Dược phẩm TV.Pharm

Tổng số cổ phần sở hữu đến ngày 27/10/2016	0 cổ phần (0% Vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần

## Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

### Ông Lưu Hoài Nam – Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày/tháng/năm sinh	21/04/1984
Địa chỉ thường trú	427/15 Tân Kỳ - Tân Quý, phường Tân Quý, quận Tân Phú, TPHCM
Trình độ học vấn	Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Đại học ngoại thương Hà Nội

#### Quá trình công tác:

Từ 9/2007 - 9/2008: Chuyên viên cao cấp phân tích Công ty CP Chứng khoán Phú Hưng

Từ 9/2008 - 4/2014: Chuyên viên cao cấp quản trị danh mục Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước

Từ 10/2014 - 3/2015: Trợ lý Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược Hậu Giang

Từ 4/2015 - 02/2016: Trợ lý Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng BKS Công ty CP Tập đoàn Muối Miền Nam

Từ 5/2016 - nay: Bộ phận Đầu tư tại Công ty CP Dược phẩm Aikya

Từ 11/2016 - nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Dược phẩm TV.Pharm

Tổng số cổ phần sở hữu đến ngày 27/10/2016	0 cổ phần (0% Vốn điều lệ)
--	----------------------------

Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
----------------------------	-----------

Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần
---------------------------	-----------

### Bà Huỳnh Thị Hồng Xuân – Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày/tháng/năm sinh	02/01/1983
Địa chỉ thường trú	337/19 Trường Chinh, phường 14, quận Tân Bình, TP.HCM
Trình độ học vấn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh

#### Quá trình công tác:

Từ 2013 - 2015: Phó phòng Quản lý rủi ro Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank – Kim Eng Việt Nam

Từ 2015 - nay: Chuyên viên Bộ phận Đầu tư tại CTCP Đầu tư Việt Nam – Ô man

Từ 11/2016 - nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Dược phẩm TV.Pharm

Tổng số cổ phần sở hữu đến ngày 27/10/2016	0 cổ phần (0% vốn điều lệ)
--	----------------------------

Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
----------------------------	-----------

Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần
---------------------------	-----------

**Ông Lê Hữu Phước - Thành viên Ban Kiểm soát**

Ngày/tháng/năm sinh	15/06/1966
---------------------	------------

Địa chỉ thường trú	Khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
--------------------	--

Trình độ học vấn	Đại học Tài chính kế toán
------------------	---------------------------

**Quá trình công tác:**

Từ 1985 – 1990: Cán bộ Phòng Tài chính huyện Càng Long tỉnh Cửu Long

Từ 1991 – 1992: Cán bộ Sở Tài chính tỉnh Cửu Long

Từ 1993 – 1994: Cán bộ Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh

Từ 1995 – 1998: Trưởng phòng nghiệp vụ Cục Quản lý vốn và tài sản NN tại DN tỉnh Trà Vinh

Từ 1999 – 2010: Phó phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh

Từ 2011 – nay: Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Trà Vinh

Từ 2004 - 11/2016: Trưởng BKS Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Từ 11/2016 - nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Dược phẩm TV.Pharm

Tổng số cổ phần sở hữu đến ngày 27/10/2016	0 cổ phần (0% Vốn điều lệ)
--	----------------------------

Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
----------------------------	-----------

Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần
---------------------------	-----------



## Lý lịch thành viên Ban điều hành

### Ông Nguyễn Hữu Quang - Tổng Giám đốc

Ngày/tháng/năm sinh 23/02/1972

Địa chỉ thường trú Số 9 Phố Tràng Tiền, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, Hà nội

Trình độ học vấn Cử nhân QTKD, Thạc sĩ Kế toán

Quá trình công tác:

Từ 5/2008 – 5/2009 Tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Phương Hoàng

Từ 8/2008 – 8/2013 Sáng lập viên/TV HĐQT CTCP Smartchoices Vietnam

Từ 9/2013 – 5/2015 Giám đốc khối phân tích và Tư vấn đầu tư CTCP Chứng khoán Vietinbank

Từ 12/2016 – 1/2017: Phó Tổng Giám đốc tài chính CTCP Dược phẩm TV.Pharm

Từ 6/2015 – nay: Giám đốc Đầu tư CTCP Nước AquaOne

Từ 01/2017 – nay: Tổng giám đốc CTCP Dược phẩm TV.Pharm

Tổng số cổ phần sở hữu đến ngày 27/10/2016 0 cổ phần (0% vốn điều lệ)

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần sở hữu cá nhân 0 cổ phần

### Ông Nguyễn Thành Sĩ - Phó Tổng Giám đốc

Ngày/tháng/năm sinh 1967

Địa chỉ thường trú Đầu Bờ, Hòa Thuận, Châu Thành, Trà Vinh

Trình độ học vấn Dược sĩ đại học, Cử nhân quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

Từ 12/1991 - 03/1992: Nhân viên Xí nghiệp dịch truyền Cửu Long

Từ 5/1992 - 9/2003: Phó phòng Kế hoạch Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

Từ 10/2003 - 9/2005: Phó phòng Kế hoạch Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Từ 10/2005 - 10/2011: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Từ 11/2011 - 7/2012: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Từ 8/2012 – nay: Phó Tổng giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Tổng số cổ phần sở hữu đến ngày 27/10/2016 5.473 cổ phần (0,05% Vốn điều lệ)

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần sở hữu cá nhân 5.473 cổ phần

**Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm – Kế toán trưởng**

Ngày/tháng/năm sinh	1977
Địa chỉ thường trú	B3/54 Phạm Ngũ Lão, Phường 1, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
Trình độ học vấn	Đại học kế toán

## Quá trình công tác:

Từ 12/1999 - 03/2006: Nhân viên Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

Từ 03/2006 - 8/2015: Phó phòng kế toán Công ty cổ phần Dược phẩm TV.PHARM

Từ 8/2015 - nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược phẩm TV.PHARM

Tổng số cổ phần sở hữu tại ngày 27/10/2016	33 cổ phần (0% vốn điều lệ)
--	-----------------------------

Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
----------------------------	-----------

Số cổ phần sở hữu cá nhân	33 cổ phần
---------------------------	------------



## Nhân sự & chính sách người lao động

### Cơ cấu nhân sự

Tại ngày 24/12/2016, Công ty có tổng cộng 548 lao động. Cơ cấu nhân sự của Công ty như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>548</b>	<b>100%</b>
Trình độ đại học và trên đại học	118	21,53%
Trình độ cao đẳng, trung cấp	315	57,48%
Trình độ khác	115	20,99%
<b>Theo hợp đồng lao động</b>	<b>548</b>	<b>100%</b>
HĐLĐ không xác định thời hạn	493	89,96%
HĐLĐ xác định thời hạn (1-3 năm)	15	2,74%
HĐLĐ thời vụ (dưới 1 năm)	40	7,30%

### Mức lương bình quân của người lao động

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	2016/2015
Tổng số lượng cán bộ, nhân viên	Người	578	546	94,46%
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	5.781.712	5.909.886	102,22%

### Những thay đổi về nhân sự trong năm

- Ông Nguyễn Hồng Sơn giữ chức vị Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ (2016 – 2020) theo Nghị quyết 001/2016/NQ – HĐQT kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2016.
- Ông Nguyễn Đăng Nguyên được bổ nhiệm vào vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Nghị quyết 002/2016/NQ – HĐQT kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2016.
- Ông Nguyễn Hữu Quang giữ chức Tổng giám đốc kiêm Phó Tổng giám đốc Tài chính theo Nghị quyết 009A/2017/NQ – HĐQT từ ngày 18 tháng 01 năm 2017.
- Ông Nguyễn Duy Thuận được miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc kể từ ngày 18/01/2017 theo nghị quyết 009A/2017/NQ – HĐQT.
- Ông Hà Văn Đồng được miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc theo Nghị quyết 008/2016/NQ – HĐQT từ ngày 06/01/2017.

# Chính sách người lao động

## Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quan trọng đối với sự phát triển bền vững của TV.PHARM. Công ty luôn chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo. Đối với hoạt động tuyển dụng, Công ty có chủ trương lựa chọn nhân sự phù hợp với từng vị trí về chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm. Để hoạt động tuyển dụng đạt hiệu quả, Công ty thực hiện xây dựng quy trình tuyển dụng, sàng lọc ứng viên và xây dựng nội dung mô tả công việc cho từng vị trí. Công ty chú trọng cập nhật nội dung của từng bước trong quy trình tuyển dụng sao cho phù hợp với thực tế công việc.

Đối với hoạt động đào tạo, Công ty thường xuyên tổ chức các chuyên đề tập huấn cho cán bộ, công nhân viên, tạo điều kiện để người lao động được tham dự vào các khóa đào tạo về kỹ năng chuyên môn và các kỹ năng mềm khác. Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực R&D, Công ty khuyến khích cán bộ, công nhân viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu về dược liệu và dược phẩm. TV.PHARM luôn tạo điều kiện thuận lợi và môi trường cạnh tranh, thi đua lành mạnh nhằm khuyến khích sự phát triển của từng cá nhân trong Công ty.

Các chương trình đào tạo hàng năm:

- Về chương trình tổng quát
  - Những điểm cơ bản về GMP – WHO, GLP,GSP, ISO 9001:2008
  - Vệ sinh cá nhân và các nguyên tắc đi vào khu vực sản xuất
  - Vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe nhân viên
- Những khái niệm về thẩm định quy trình vệ sinh, thẩm định quy trình sản xuất, thẩm định thiết bị.
  - Yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm, áp suất và cấp độ sạch của nhà máy
  - Những điểm lưu ý hay mắc phải trong công việc thực tế ở các bộ phận
  - An toàn vệ sinh lao động, các phương pháp sơ cứu người bị nạn khi có tai nạn, sự cố, Phòng cháy chữa cháy.

- Đào tạo thực hiện đúng các thao tác về vận hành, bảo trì các thiết bị trong toàn nhà máy như: SOP vận hành, vệ sinh, hiệu chuẩn, bảo trì, SOP thẩm định, tháo ráp, các thiết bị trong sản xuất, hệ thống xử lý không khí, hệ thống xử lý nước. Các SOP cụ thể từng công việc cho các bộ phận của phân xưởng.
- Các chương trình cụ thể tại các phòng, phân xưởng trực thuộc nhà máy:
  - Thực hiện đúng các thao tác trong sản xuất như SOP trong sản xuất, quy trình sản xuất, cách ghi chép hồ sơ lô.
  - Đảm bảo chất lượng theo GMP và tiêu chuẩn ISO
  - Áp dụng GMP/ISO vào công việc thực tế trong bộ phận sản xuất.
  - Vận hành, vệ sinh thiết bị trong sản xuất.
  - Vệ sinh nhà xưởng, an toàn về điện, phòng chống cháy nổ, nội quy làm việc.
  - Mỗi nhân viên đều được tham gia huấn luyện khoảng 03 ngày/năm.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Công tác đào tạo cán bộ quản lý, nhân viên bán hàng cũng được chú trọng, các chương trình đào tạo trình được viên thực hiện thường xuyên, liên tục với nhiều khóa học thực tiễn như: TV.PHARM đã phối hợp với phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức khóa đào tạo “Kỹ năng quản lý cấp trung”; kết hợp chương trình đào tạo với tham quan du lịch tại Phan Thiết – Bình Thuận, mời chuyên gia có kinh nghiệm huấn luyện kiến thức sản phẩm, lý năng bán hàng, kỹ năng chăm sóc khách hàng, kỹ năng quản lý & thu hồi công nợ,... cho nhân viên bán hàng, qua các khóa đào tạo trên giúp cập nhật và nâng cao kiến thức, trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ quản lý và nhân viên, góp phần mang lại hiệu quả tốt cho hoạt động kinh doanh

## Chính sách lương thưởng,

### ➤ Lương cơ bản:

Công ty luôn tuân thủ chính sách về lương cơ bản nhằm đảm bảo các chính sách phúc lợi xã hội theo quy định của Luật Lao động.

### ➤ Tiền lương thực nhận:

Công ty xây dựng quỹ lương theo doanh thu hàng năm. Người lao động làm việc tại công ty được chia làm ba khối: văn phòng, sản xuất, và kinh doanh. Mỗi khối, Công ty sẽ áp dụng hình thức trả lương phù hợp với tính chất công việc, trình độ chuyên môn và mức độ hoàn thành công việc, phù hợp với pháp luật lao động và quy định của Công ty.. Cụ thể:

- Khối văn phòng: Áp dụng hình thức trả lương công việc gắn với thời gian.
- Khối sản xuất: Áp dụng hình thức giao khoán Quỹ lương sản phẩm cho Nhà máy theo đơn giá tiền lương từng đơn vị sản phẩm.
- Khối kinh doanh: áp dụng hình thức khoán quỹ lương theo doanh thu.

Tùy theo hiệu quả và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, người lao động

được chi lương bổ sung vào các dịp lễ 30/4, 02/9 và/hoặc tháng lương 13.

### ➤ Thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty áp dụng chính sách khen, thưởng như sau:

- Thưởng vượt doanh số khoán đối với nhân viên bán hàng (theo từng quý).
- Khen, thưởng danh hiệu cuối năm: đối với cá nhân và tập thể toàn công ty. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân và tập thể trong việc thực hiện tốt nội quy, quy chế công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới; có sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh,...
- Đề xuất khen thưởng cho cá nhân và tập thể theo hướng dẫn của Hội đồng thi đua khen thưởng Tỉnh, Trung ương.
- Khen đột xuất cho cá nhân, tập thể có thành tích nổi bật, điển hình.

## Chính sách phúc lợi

Công ty luôn thực hiện đúng quy định pháp luật lao động: ký hợp đồng lao động, tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động; khám sức khỏe định kỳ; bồi dưỡng độc hại; phụ cấp tiền ăn giữa ca theo định mức tối đa của Nhà nước; trang bị đồng phục, đồ bảo hộ lao động...;

Đặc biệt, khi đến tuổi nghỉ hưu ngoài các khoản do BHXH chi trả, người lao động còn được Công ty tặng quà (tiền mặt): Có thời gian công tác tại Công ty từ trên 10 năm đến 15 năm: 3.000.000 đồng; từ trên 15 năm đến hơn 20 năm: 5.000.000 đồng;

Ngoài ra, Công ty cũng hỗ trợ cho các nhân viên được phân công công tác tại các chi nhánh của Công ty: nhân viên có hộ khẩu tại các tỉnh miền Tây công tác tại các chi nhánh của Công ty từ Bình Thuận trở ra miền Bắc sẽ được hỗ trợ thanh toán chi phí tiền xe hoặc tiền tàu hỏa 02 lần/năm (01 lần nghỉ phép năm và 01 lần nghỉ Tết Nguyên đán); nhân viên công tác tại Văn phòng, nhà máy sản xuất và chi nhánh Công ty phía Nam sẽ được hỗ trợ thanh toán chi phí tiền xe hoặc tiền tàu hỏa 01 năm/lần khi về thăm người thân ở các tỉnh miền Trung, miền Bắc.



## Tình hình tài chính

### Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng tài sản	Triệu đồng	293.500	264.144	90,00%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	381.982	356.615	93,36%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	44.038	39.657	90,05%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	693	1.107	159,71%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	44.731	40.763	91,13%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	34.959	32.187	92,07%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	63,43%	(*)	

(\*) Tỷ lệ cổ tức năm 2016 sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp sắp tới.



## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,38	3,68
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,16	2,00
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	35,46	22,80
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	54,95	29,54
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,04	2,12
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Vòng	1,28	1,28
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,15	9,03
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,34	16,37
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11,73	11,54
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	11,53	11,12



### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn đều tăng so với năm 2015. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,38 lần lên đến 3,68 lần. Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,16 lần lên đến 2,00 lần. Tính thanh khoản của Công ty được cải thiện là do Công ty đã thanh toán hết các khoản vay dưới hình thức tín dụng thư tại Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh Trà Vinh và Ngân hàng Đầu tư & Phát triển chi nhánh Trà Vinh, làm giảm khoản nợ ngắn hạn, từ đó tăng tính thanh khoản cho Công ty.

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Hiệu quả quản trị Hàng tồn kho của Công ty đang ngày càng cải thiện khi hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,04 lần lên đến 2,12 lần. Tại thời điểm kết thúc năm 2016, giá trị Hàng tồn kho giảm đến 26,23 tỷ đồng, tương đương giảm 21,62% so với thời điểm ngày 31/12/2015.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong ngành dược, các công ty thuộc nhóm doanh nghiệp sản xuất thông thường có cơ cấu nguồn vốn khá lành mạnh với Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cao.

Trong năm 2016, cơ cấu nguồn vốn của Công ty có sự chuyển dịch rõ rệt, khi tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 54,95% còn 29,54%, tỉ lệ Nợ/Tổng tài sản giảm từ 35,36% còn 22,80%. Nguyên nhân là do tại thời điểm ngày 31/12/2016, tổng nợ phải trả của Công ty được ghi nhận còn 60,23 tỷ đồng, giảm đến 42,13% so với con số 104,09 tỷ đồng vào ngày 31/12/2015. Hiệu quả quản trị hàng tồn kho được cải thiện đã góp phần tăng khả năng thanh khoản cho Công ty, hỗ trợ Công ty thanh toán khoản vay ngắn hạn trị giá 29,77 tỷ đồng.

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời năm 2016 của Công ty đều thể hiện xu hướng giảm. Cụ thể, ROA giảm từ 11,73% còn 11,54%, ROE giảm từ 18,43% còn 16,37%. Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần giảm từ 9,15% còn 9,03%, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần giảm từ 11,53% còn 11,12%. Nguyên nhân là do hoạt động kinh doanh của Công ty duy trì được hiệu quả như năm 2015 với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt tương đương 93,36% và 92,07% kết quả năm 2015.



## Cơ cấu cổ đông

### Cổ phần

Số cổ phiếu đã phát hành: 10.800.000 cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông: 10.800.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 10.800.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Chứng khoán khác: Không có

### Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/10/2016

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	248	10.070.896	100.708.960.000	99,91%
1	Cá nhân	242	5.506.306	55.063.060.000	54,63%
2	Tổ chức	6	4.564.590	45.645.900.000	45,28%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	2	8.950	89.500.000	0,09%
1	Cá nhân	2	8.950	89.500.000	0,09%
2	Tổ chức	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	1	154	1.540.000	0,002%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>251</b>	<b>10.080.000</b>	<b>100.800.000.000</b>	<b>100,00%</b>



## **BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình sản xuất, Công ty sử dụng nhiều loại nguyên, phụ liệu để phục vụ cho việc đóng gói, bao bì thuốc như màng PVC, màng nhôm in để ép vỉ thuốc, bao bì, bao giấy để đóng gói sản phẩm. Tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong năm qua như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016
		Sản lượng	Sản lượng
Màng PVC	Tấn	145	129
Màng nhôm in	Tấn	32	35
Bao bì, bao giấy	Tấn	72	70
Tổng cộng	Tấn	411	234

Công ty đảm bảo tỉ lệ nguyên liệu sử dụng tái chế khoảng 1,5% - 2% bao gồm các sản phẩm còn lại ở bộ phận, pha chế, dập viên, đóng nang.

Với hệ thống nhà máy và dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP - WHO, TV.PHARM đảm bảo chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty với việc lựa chọn nhà cung ứng uy tín nhằm tạo ra các sản phẩm dược an toàn cho người sử dụng. Dược liệu, các nguyên phụ liệu đều được bảo quản phù hợp với đặc tính của từng loại, nhằm tránh tình trạng hỏng mốc, kém chất lượng.

### Tiêu thụ năng lượng

Công ty sử dụng nguồn năng lượng điện từ lưới điện quốc gia, để phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty cũng sử dụng điện năng từ máy phát 150KW (sử dụng động cơ Diesel) để phục vụ cho quá trình sản xuất và các hoạt động quản trị doanh nghiệp. Ngoài ra, điện năng còn được sử dụng trong các hoạt động gián tiếp bao gồm quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Nhận thức được ảnh hưởng của các công trình thủy điện và nhiệt điện đối với hiện tượng biến đổi khí hậu, Công ty luôn ý thức tiết kiệm năng lượng và động viên người lao động thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng. Các biện pháp Công ty thực hiện như sau:

- Sử dụng biến tần để điều chỉnh cho tất cả các thiết bị có công suất từ 5KW/h trở lên (tiết kiệm khoản 30 - 40%)
- Sử dụng các mẫu thông báo, yêu cầu sử dụng điện hợp lý
- Kiểm soát tải tiêu thụ (cài đặt đúng nhiệt độ, đúng thời gian vận hành)

Trong năm 2016, Điện tiêu thụ hàng tháng trung bình: 259,352 kW

Tổng mức tiêu thụ điện trong năm 2016: 421.773.891 đồng

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm Công ty không bị xử phạt vi phạm về môi trường. Công ty luôn chấp hành nghiêm túc Luật Bảo vệ môi trường

### **Tiêu thụ nước**

Đơn vị cung cấp nước cho Công ty là Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh. Nước được dùng trực tiếp trong quá trình sản xuất của Công ty. Sau khi kết thúc quá trình, nước thải sẽ được xử lý đúng nơi quy định, đảm bảo không thải trực tiếp ra môi trường. Ngoài ra, nước còn được sử dụng cho các hoạt động quản trị doanh nghiệp và sinh hoạt hàng ngày của người lao động Công ty.

Sản lượng nước tiêu thụ trung bình mỗi tháng: 867 m<sup>3</sup>/tháng.

Giá trị tiêu thụ nước mỗi tháng: 6.600.000 đồng/tháng.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu được dự báo sẽ tiếp tục có những diễn biến khó lường tại miền Tây Nam Bộ, nguồn nước ngọt hết sức có ý nghĩa đối với hoạt động sản xuất và sinh hoạt tại đây. Do đó, Công ty luôn khuyến khích và tuyên truyền người lao động sử dụng nước hợp lý, tránh tình trạng lãng phí nguồn nước.

### **Chính sách liên quan đến người lao động**

Công ty luôn tuân thủ theo Luật lao động về điều kiện làm việc, chính sách đãi ngộ cho cán bộ, công nhân viên Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng quan tâm chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động: cải tạo cảnh quan môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp; tổ chức tham quan du lịch hàng năm, đào tạo kết hợp du lịch; duy trì các hoạt động văn hóa vào các dịp Ngày quốc tế phụ nữ, Tết thiếu nhi, các phong trào thể dục thể thao giao lưu giữa các đơn vị... đã tạo không khí vui tươi phấn khởi cho nhân viên để làm việc tốt hơn.

Công ty luôn xác định con người là giá trị sức mạnh cốt lõi xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động mang đậm phong cách TV. PHARM. Công ty luôn tôn trọng quyền bình đẳng nam nữ, không phân biệt đối xử về mặt giới tính trong tuyển dụng lao động và trả lương công bằng tùy theo năng lực của mỗi người. Ngoài ra, Công ty luôn thực hiện tốt chính sách về lao động với lao động nữ. Đồng thời, Công ty luôn chú trọng và tạo điều kiện giúp người lao động nâng cao chuyên môn, phát huy khả năng cá nhân.

### **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng và địa phương**

Công ty luôn chú ý thực hiện xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Đối với chất thải lỏng được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 20m<sup>3</sup>/24 giờ trước khi thải ra môi trường.
- Đối với chất thải rắn có khả năng gây ô nhiễm môi trường được thu gom vào túi nilon buộc kín, dán nhãn đỏ "loại bỏ" chuyển đến kho "Loại bỏ", định kỳ được giao nhận với Công ty Môi trường TP. Hồ Chí Minh để xử lý.
- Đối với chất thải khí: hơi acid, kiềm, khí độc, dung môi hữu cơ, được đưa vào hệ thống tủ hút khí độc có giàn mưa, khí thải ngưng tụ sẽ theo hệ thống nước thải của nhà máy, phần khí thải còn lại đã giảm độc sẽ theo đường ống dẫn khí thải ra ngoài.

Công ty tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, đền ơn đáp nghĩa như: ủng hộ trẻ em nghèo, khuyết tật, ủng hộ xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ gia đình chính sách, đóng góp quỹ phòng chống bão lụt, quỹ khuyến học, đóng góp cuộc vận động nghĩa tình Trà Vinh,... Ngoài ra Công ty còn hỗ trợ thuốc cho Bệnh viên đa khoa tỉnh, Đoàn khối cơ quan tỉnh Trà Vinh, Hội người cao tuổi, các bệnh viên phòng khám trong tỉnh để khám chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí phục vụ khám chữa bệnh cho đồng bào nghèo, đồng bào dân tộc, người cao tuổi, gia đình chính sách trong địa bàn tỉnh Trà Vinh; Hỗ trợ tỉnh hội người mù Trà Vinh; Đóng góp quỹ công trình thanh niên của Ban chấp hành tỉnh đoàn Trà Vinh,...



## **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Về tình hình hoạt động kinh doanh**

**Về tình hình tài chính**

**Những cải tiến trong năm**

**Báo cáo về trách nhiệm với môi trường và xã hội**



## VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### Thuận lợi

- Chất lượng cuộc sống đang ngày càng được người dân Việt Nam chú trọng, tạo thị trường đầy tiềm năng cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành dược phẩm – thiết bị y tế.
- Với hơn 20 năm hoạt động trong ngành dược, Công ty đã tạo dựng được uy tín và vị thế đối với người tiêu dùng.
- Công ty có dây chuyền sản xuất Viên nang mềm và dây chuyền sản xuất kháng sinh tiêm Cephalosporin hiện đại.
- Công ty sở hữu hệ thống Nhà máy được quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế GMP – WHO, phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn GLP, nhà kho đạt tiêu chuẩn GSP. Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty đạt chuẩn ISO 9001:2008.
- Sự đoàn kết nhất trí cao, sự đồng tâm hiệp lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và toàn thể công nhân viên trong toàn công ty tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra thuận lợi.

### Khó khăn

- Đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ trong ngành dược, đặc biệt là các công ty ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.
- Người tiêu dùng Việt Nam tin dùng các sản phẩm dược ngoại nhập hơn là sản phẩm dược nội địa
- Chiến dịch Marketing của Công ty chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng,
- Thông tư 36/2013/TTLT – BYT – BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 01/2012/TTLT – BYT – BTC về đấu thầu thuốc, Thông tư 19/2014/TT - BYT làm ảnh hưởng đến doanh số bán ra của Công ty.

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	TH 2016	TH2016/TH2015
Doanh thu thuần	Triệu đồng	381.982	356.615	93,36%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	242.670	228.857	94,31%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	139.312	127.758	91,71%
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	1.111	160	14,44%
Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	4.538	2.757	60,74%
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	69.911	65.957	94,34%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	21.936	19.548	89,11%
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	44.038	39.657	90,05%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	693	1.107	159,71%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	44.731	40.763	91,13%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	34.959	32.187	92,07%

Với ảnh hưởng từ Thông tư 36/2013/TTLT – BYT – BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 01/2012/TTLT – BYT – BTC về đấu thầu mua thuốc trong các cơ sở y tế, và Nghị định 63/2014/NĐ – CP về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu, các doanh nghiệp dược nói chung và TV.PHARM nói riêng gặp nhiều khó khăn với kênh phân phối ETC (bao gồm các bệnh viện và các trung tâm y tế). Khi tham gia đấu thầu, các sản phẩm sẽ được phân vào từng nhóm dựa trên tiêu chuẩn mà thuốc được sản xuất. Với thực tế tại Việt Nam, phần lớn các nhà sản xuất thuốc đều sản xuất với tiêu chuẩn GMP – WHO nên mức độ cạnh tranh về giá để trúng thầu ở nhóm này rất quyết liệt. Với việc kênh phân phối này chiếm hơn 70% chi tiêu thuốc trong cả nước, quy định trên tác động lớn đến doanh thu và sản lượng các công ty dược. Thực tế cho thấy, tăng trưởng doanh thu ngành dược năm 2015 – 2016 giảm hơn phân nửa so với giai đoạn 2013 – 2014 chỉ còn 5% - 7%.

Dù cho thị trường Dược Việt Nam được đánh giá đầy tiềm năng phát triển, nhưng với việc gần như 200 công ty dược nội địa và các doanh

ng nghiệp FDI cùng cạnh tranh trên một kênh phân phối, lợi thế sẽ thuộc về các công ty có nguồn vốn mạnh, đủ khả năng đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật để giảm giá thành sản phẩm. Quy mô vốn còn hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng trúng thầu của Công ty, khiến doanh số bán ra trong năm qua giảm, làm cho kết quả về doanh thu và lợi nhuận chưa đáp ứng được kỳ vọng. Kết thúc năm 2016, doanh thu thuần của Công ty đạt mức 356,62 tỷ đồng tương đương 85,93% so với con số 415 tỷ đồng kế hoạch đề ra.

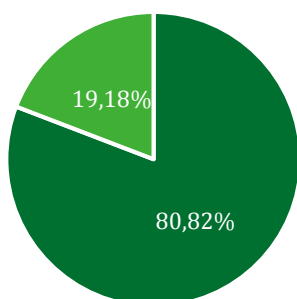
Tuy nhiên, trong năm 2016, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm kiểm soát chi phí để tăng lợi nhuận. Cụ thể, chi phí bán hàng năm nay giảm 3,95 tỷ đồng, còn 65,96 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2016 giảm 10,89% từ 21,94 tỷ đồng năm 2015 còn 19,54 tỷ đồng. Những nỗ lực này đã mang lại kết quả lợi nhuận khá tích cực cho Công ty. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 36,66 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế được ghi nhận ở mức 32,19 tỷ đồng, tương đương 92,07% lợi nhuận sau thuế năm 2015.

## Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản

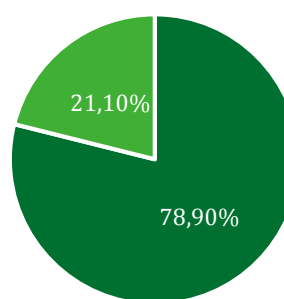
Chi tiêu	ĐVT	31/12/2015	31/12/2016	% tăng giảm
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>237.221</b>	<b>208.398</b>	<b>87,85%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	Triệu đồng	19.432	15.249	78,47%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Triệu đồng	-	1.500	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	94.109	95.622	101,61%
Hàng tồn kho	Triệu đồng	121.101	94.914	78,38%
Tài sản ngắn hạn khác	Triệu đồng	2.579	1.113	43,17%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>56.279</b>	<b>55.746</b>	<b>99,05%</b>
Tài sản cố định	Triệu đồng	47.957	45.554	94,99%
Tài sản dở dang dài hạn	Triệu đồng	6.236	7.107	113,96%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>293.500</b>	<b>264.144</b>	<b>90,00%</b>

31/12/2015



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

31/12/2016



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

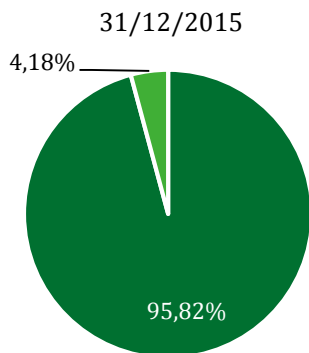
Các doanh nghiệp ngành dược phẩm thường có cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao hơn so với tài sản dài hạn. Tại ngày 31/12/2016, Tổng tài sản đạt 264,14 tỷ đồng, tương đương 90% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 208,40 tỷ đồng, chiếm 78,90% tổng tài sản.

Giá trị tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu là do khoản mục Hàng tồn kho giảm đến 26,63 tỷ đồng, từ mức 121,1 tỷ đồng thời điểm cuối năm 2015 xuống còn 94,91 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2016. Các chính sách bán hàng đã phát huy hiệu quả giúp Công ty giảm giá trị hàng tồn kho, tăng lượng tiền mặt để thanh toán hết khoản nợ vay ngắn hạn trị giá 29,08 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh Trà Vinh và Ngân hàng Đầu tư & Phát triển chi nhánh Trà Vinh. Chính điều này cũng khiến khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đạt 15,25 tỷ đồng, tương đương 78,47% so với cùng kỳ năm 2015.

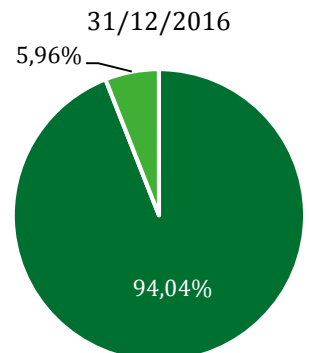
Ngoài ra, tình hình tài chính của Công ty ghi nhận khoản mục khoản phải thu quá hạn thanh toán có giá trị 14,77 tỷ đồng, trong đó có khoản nợ xấu từ Trung tâm y tế huyện Khánh Sơn có giá trị 2,11 tỷ đồng.

## Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2015	31/12/2016	% tăng giảm
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>99.734</b>	<b>56.645</b>	<b>56,80%</b>
Phải trả người bán	Triệu đồng	41.492	40.168	96,81%
Người mua trả tiền trước	Triệu đồng	31	667	2150,00%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	Triệu đồng	2.152	4.324	200,92%
Phải trả người lao động	Triệu đồng	4.953	4.406	88,96%
Chi phí phải trả ngắn hạn	Triệu đồng	6.840	2.862	41,84%
Phải trả ngắn hạn khác	Triệu đồng	10.950	1.220	11,14%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Triệu đồng	29.077	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	Triệu đồng	4.284	2.477	57,81%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>4.353</b>	<b>3.589</b>	<b>82,43%</b>
<b>Tổng nợ</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>104.088</b>	<b>60.234</b>	<b>57,87%</b>



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Tại thời điểm kết thúc năm 2016, tổng nợ phải trả của Công ty giảm 43,20% so với giá trị vào ngày 31/12/2015. Cụ thể, nợ ngắn hạn giảm từ 99,73 tỷ đồng xuống còn 56,65 tỷ đồng, nợ dài hạn giảm từ 4,35 tỷ đồng xuống còn 3,59 tỷ đồng. Tổng nợ của Công ty giảm đáng kể như vậy là do khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đã được thanh toán hết trong kỳ.

Xét về cơ cấu nợ phải trả, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao, 94,04% tổng nợ phải trả, nợ dài hạn chiếm 5,96% còn lại. Nợ ngắn hạn của Công ty chủ yếu đến từ khoản phải trả người bán ngắn hạn. Điều này xuất phát từ thực tế, trong năm Công ty phải mua nhiều loại nguyên phụ liệu phục vụ cho quá trình sản xuất thuốc.

## Những cải tiến trong năm

- Cải thiện năng lực đánh giá thị trường, quản lý hàng tồn kho, lưu kho.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản trị Công ty và quản trị khách hàng.
- Cán bộ, công nhân viên chức được tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực nghiên cứu,... nhằm phục vụ cho định hướng phát triển thuốc chất lượng cao của Công ty. Thực hiện chính sách lương, thưởng mới để tăng động lực cho người lao động.
- Triển khai nhiều chương trình khuyến mãi để gia tăng doanh số kinh doanh, đặc biệt là chương trình tích lũy doanh số "Vàng, bạc, đồng" nhằm tăng doanh số từ kênh OTC.
- Liên tục cập nhật dữ liệu về khách hàng nhằm ổn định hệ thống phân phối qua kênh OTC và tăng cường các chính sách chăm sóc khách hàng.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

### Điểm mạnh

- Sự đoàn kết nhất trí cao, sự đồng tâm hiệp lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và toàn thể công nhân viên trong toàn công ty tạo thành sức mạnh tập thể xây dựng TV.PHARM ngày càng lớn mạnh.
- Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trẻ, có trình độ đại học và trên đại học tận tâm với công việc và gắn bó lâu dài với công ty. Đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác thị trường nhiều kinh nghiệm, năng động, sáng tạo, tâm huyết, sẵn sàng vượt khó để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến vào quản trị doanh nghiệp, quản lý dữ liệu khách hàng.
- Sản phẩm do Công ty sản xuất có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, giá cả hợp lý được khách hàng tin tưởng sử dụng. Các sản phẩm kháng sinh, đặc biệt là kháng sinh dạng bột pha tiêm được thị trường chấp nhận và đưa vào sử dụng trong hệ điều trị cả nước mang lại hiệu quả kinh doanh cao.
- Mạng lưới phân phối ngày càng phát triển, mở rộng. Kênh phân phối OTC phát triển tốt do Công ty có những chương trình khuyến mãi, chính sách chăm sóc khách hàng phù hợp.
- Được sự quan tâm của nhà đầu tư, sự tin tưởng ủng hộ của khách hàng, sự hợp tác của các nhà cung cấp và việc tạo điều kiện thuận lợi của các cơ quan, sở, ban ngành, ngân hàng trong và ngoài tỉnh

### Những hạn chế cần khắc phục

- Hệ thống quản trị chưa thật sự chuyên nghiệp, hiệu quả. Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực còn yếu.
- Hoạt động định vị thương hiệu và marketing còn chưa đồng bộ, hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) còn yếu, chưa mang lại hiệu quả cao.
- Tuy đã mở rộng được thị trường ra nước ngoài, nhưng hoạt động xuất khẩu còn hạn chế về số lượng và đối tác.
- Công ty vẫn chưa khai thác được hết công suất của Nhà máy betalactam.
- Việc triển khai sản xuất thực phẩm chức năng còn chậm do phải trải qua thăm dò thị trường và làm công tác marketing

Năm 2020

8 tỷ USD

&gt;17%

**Triển vọng ngành dược**

Thị trường Dược phẩm Việt Nam có giá trị 4.2 tỷ USD tính đến năm 2015, tốc độ tăng trưởng trong giai đoạn 2010-2015 là 17-20% và đến năm 2017, tốc độ tăng trưởng của thị trường sẽ cao hơn 17%. Ngoài ra, theo Hãng nghiên cứu số liệu thị trường Global Data dự kiến thị trường dược Việt Nam đạt giá trị 8 tỷ USD vào năm 2020.

Trong điều kiện tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng đến tình trạng sức khỏe của con người và thu nhập người dân đang được cải thiện từng ngày, nhu cầu về dược phẩm và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe được dự báo sẽ gia tăng trong thời gian tới. Đây đều là những điều kiện thuận lợi để Công ty triển khai các kế hoạch phát triển trong thời gian tới.

Ban Tổng Giám đốc đưa ra kế hoạch cho năm 2017 như sau:

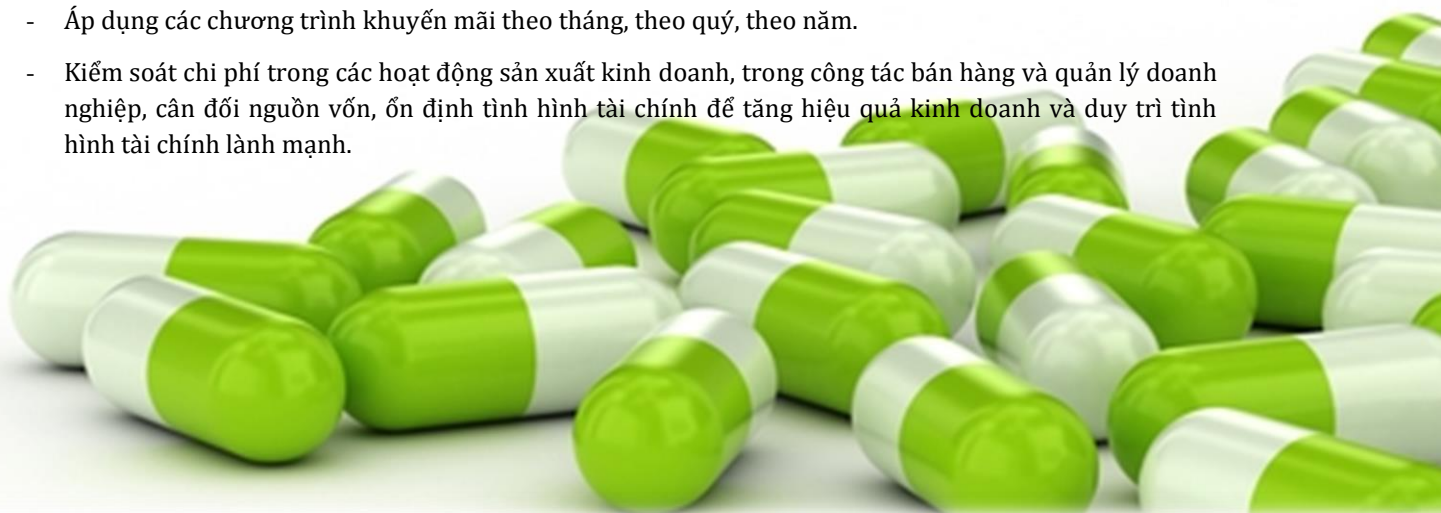
**Kế hoạch kinh doanh**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2016	KH 2017(*)	KH2016/TH2017
Doanh thu thuần	Triệu đồng	356.615	410.000	114,97%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	32.187	32.800	101,90%

(\*) Số liệu kế hoạch năm 2017 do Ban Tổng Giám đốc xây dựng, dự kiến trình Hội đồng quản trị thông qua để trình tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp đến.

**Biện pháp thực hiện**

- củng cố các thị trường truyền thống, từng bước thâm nhập và mở rộng thị trường mới thông qua các hoạt động marketing về thông qua trang website Công ty, trang fanpage trên Facebook, tại các buổi hội thảo chuyên ngành dược, ...
- Xây dựng đội ngũ bán hàng, tiếp thị chuyên nghiệp hơn, tăng cường các chính sách bán hàng, và chăm sóc khách hàng để duy trì và mở rộng mối quan hệ với khách hàng.
- Áp dụng các chương trình khuyến mãi theo tháng, theo quý, theo năm.
- Kiểm soát chi phí trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, trong công tác bán hàng và quản lý doanh nghiệp, cân đối nguồn vốn, ổn định tình hình tài chính để tăng hiệu quả kinh doanh và duy trì tình hình tài chính lành mạnh.







## **Báo cáo về thực hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội**

Ban Tổng Giám đốc luôn chú trọng đến lựa chọn dược liệu và các hoạt chất chính đầu vào có chất lượng để tạo ra những sản phẩm tốt cho sức khỏe người tiêu dùng. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ,... trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện để người lao động được làm việc trong môi trường lành mạnh, thân thiện, được tạo điều kiện để học tập, nghiên cứu, nâng cao tay nghề, phát triển bản thân.

Là một doanh nghiệp dược, Công ty luôn nhận thức trách nhiệm trong việc chăm lo cho đời sống sức khỏe của khách hàng và của cộng đồng dân cư. Công ty luôn nỗ lực cải tiến sản phẩm, nghiên cứu các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Ngoài ra, Công ty cũng tích cực đóng góp vào các dự án cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong địa bàn tỉnh Trà Vinh.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về kết quả hoạt động kinh doanh

Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch và định hướng

## Về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm qua, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn còn chịu nhiều tác động của Thông tư 37/2013/TT - BYT về đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế và Thông tư 19/2014/TT - BYT về quản lý các chất gây nghiện trong thuốc, Công ty gặp nhiều khó khăn trong vấn đề phân phối qua kênh ETC. Ngoài ra, hoạt động Marketing vẫn chưa phát huy hiệu quả như kỳ vọng, làm cho doanh thu của mặt hàng chủ lực là Thực phẩm chức năng không đạt được mục tiêu đã đặt ra. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí, đặc biệt là chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.

Trước những khó khăn đó, Ban lãnh đạo cùng với tập thể người lao động đã phấn đấu thực hiện kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao phó. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh vẫn chưa đạt được như kế hoạch đề ra. Cụ thể, Công ty đạt được 356,62 tỷ đồng doanh thu thuần, đạt 85,93% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt mức 32,19 tỷ đồng, tương đương 97,54% so với kế hoạch.

Năm qua Công ty cũng tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng, hoạt động tình nguyện, làm sạch môi trường, nâng cao kiến thức của cộng đồng trong các vấn đề về sức khỏe..



## Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã theo sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và ghi nhận nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong công tác lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với định hướng của Hội đồng quản trị, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của Công ty, Cổ đông, người lao động và nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc nắm rõ nguồn lực của Công ty và linh hoạt điều chỉnh kế hoạch, thích ứng với những biến động của thị trường

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với nhau và với các bộ phận khác trong công tác điều hành và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc cũng hỗ trợ kịp thời cho cán bộ công nhân viên, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, duy trì môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, thân thiện.



## Kế hoạch và định hướng

Năm 2017, tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định. Theo đó, những cân đối lớn của nền kinh tế vẫn sẽ được đảm bảo, lạm phát được kiểm soát, quy mô và tiềm lực của nền kinh tế được gia tăng. Với những điều kiện thuận lợi trên, thu nhập bình quân đầu người của người Việt Nam dự báo tăng dần qua các năm để chạm mốc 3.400 USD vào năm 2020. Khi thu nhập được cải thiện, người Việt Nam có xu hướng chi tiêu nhiều hơn cho các sản phẩm và dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Chính điều này là động lực để ngành dược tăng trưởng và phát triển trong giai đoạn 2017 - 2020.

Mục tiêu chung của ngành công nghiệp dược Việt Nam trong đề án "Phát triển công nghiệp Dược và xây dựng mô hình hệ thống cung ứng thuốc của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là phát triển ngành công nghiệp Dược Việt Nam thành ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nâng cao năng lực sản xuất thuốc trong nước và kiện toàn hệ thống cung ứng thuốc của Việt Nam để chủ động cung ứng thường xuyên, kịp thời và đủ thuốc có chất lượng, giá cả hợp lý, sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả phục vụ sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và thế giới. Ngành công nghiệp dược phấn đấu bảo đảm thuốc sản xuất trong nước đáp ứng được 70% trị giá tiền thuốc vào năm 2015 và 80% vào năm 2020, trong đó thuốc thuộc danh mục: thuốc thiết yếu, thuốc phục vụ cho các chương trình y tế quốc gia đáp ứng được khoảng 90% nhu cầu sử dụng. Để đáp ứng cho những mục tiêu trên, Luật Dược đã được sửa đổi bổ sung, và chính thức có hiệu lực vào ngày 01/01/2017 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, và phân phối thuốc trong nước.

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh đang diễn ra hết sức thuận lợi cho sự phát triển của TV.PHARM, Công ty cũng đã có những sự thay đổi để tạo tiền đề cho những bước tiến tiếp theo. Cuối năm 2016, Tổng Công ty Kinh doanh và đầu tư vốn Nhà nước SCIC chính thức thoái hết phần vốn góp tại TV.PHARM với việc bán hết 4,4 triệu cổ phần cho Công ty cổ phần Aikya. Công ty cổ phần Aikya Việt Nam là một đơn vị hoạt động trong ngành dược với quy mô vốn điều lệ 1000 tỷ đồng. Aikya chính thức trở thành cổ đông lớn nhất tại TV.PHARM, mang lại cho TV.PHARM nguồn động lực phát triển mới. Bên cạnh đó, với vị thế là doanh nghiệp dược lớn thứ 4 ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và thuộc top 30 doanh nghiệp Dược Việt Nam, TV.PHARM là một thương hiệu uy tín đối với người tiêu dùng, có những lợi thế cạnh tranh nhất định, có đầy đủ tiềm năng để tiếp tục duy trì và phát triển trong ngành công nghiệp dược tại Việt Nam.

Căn cứ vào triển vọng ngành và tiềm năng phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị đã đề ra hướng đi cho TV.PHARM trong những năm tới như sau:

- Tiếp tục tìm kiếm các đơn hàng xuất khẩu đến thị trường mục tiêu là Châu Phi và các nước ASEAN.
- Đầu tư nâng cấp Nhà máy và các phân xưởng, đồng thời đầu tư cho các hoạt động R&D nghiên cứu về thành phần các hoạt chất chính và các công thức tá dược, định hướng sản xuất thuốc generic chất lượng cao.
- Tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên nâng cao năng lực chuyên môn, nâng cao năng lực nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Duy trì sản xuất theo tiêu chuẩn GMP – WHO, đặt mục tiêu nâng hệ thống sản xuất dược công nhận đạt tiêu chuẩn GMP – EU.
- Tăng cường hiệu quả cho các chiến dịch Marketing và quảng bá cho các sản phẩm hướng đến mục tiêu xây dựng thương hiệu TV.PHARM vững mạnh.



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Ý kiến kiểm toán**

**Báo cáo tài chính**

## Ý kiến kiểm toán

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017, từ trang 3 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Thanh Hòa

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Trần Kim Long Hải**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1503-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016*

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>208.398.351.748</b>	<b>237.221.336.334</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>15.249.358.603</b>	<b>19.432.183.665</b>
1. Tiền	111	5	15.249.358.603	19.432.183.665
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.500.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>95.621.625.021</b>	<b>94.108.709.254</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		94.185.726.013	91.432.050.660
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.691.171.375	3.458.487.642
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	5.084.528.018	5.678.136.856
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(7.997.642.897)	(7.541.186.949)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.657.842.512	1.081.221.042
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>94.914.134.471</b>	<b>121.101.492.395</b>
1. Hàng tồn kho	141		95.220.462.241	121.451.162.219
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(306.327.770)	(349.669.824)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.113.233.653</b>	<b>2.578.951.023</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.113.233.653	2.578.951.023
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>55.746.009.516</b>	<b>56.279.076.136</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>82.000.000</b>	<b>82.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		82.000.000	82.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>45.554.329.341</b>	<b>47.956.936.612</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	37.088.776.064	39.254.237.691
- Nguyên giá	222		130.793.312.777	123.511.122.882
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.704.536.713)	(84.256.885.191)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	8.465.553.277	8.702.698.921
- Nguyên giá	228		11.195.873.723	11.195.873.723
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.730.320.446)	(2.493.174.802)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.106.704.808</b>	<b>6.235.932.081</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	7.106.704.808	6.235.932.081
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.002.975.367</b>	<b>2.004.207.443</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2.736.179.739	2.004.207.443
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		266.795.628	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>264.144.361.264</b>	<b>293.500.412.470</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>60.233.925.519</b>		<b>104.087.899.981</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>56.645.367.859</b>		<b>99.734.443.245</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	40.168.318.575		41.491.903.868	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		666.994.419		31.023.037	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	4.323.855.379		2.152.080.960	
4. Phải trả người lao động	314		4.406.375.091		4.953.101.594	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.861.561.505		6.839.911.301	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		521.408.243		-	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.220.319.312		10.950.293.476	
8. Vay ngắn hạn	320	17	-		29.077.163.023	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.476.535.335		4.238.965.987	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.588.557.660</b>		<b>4.353.456.736</b>	
1. Phải trả dài hạn khác	337		171.000.000		66.000.000	
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.417.557.660		4.287.456.736	
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>203.910.435.745</b>		<b>189.412.512.489</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>203.910.435.745</b>		<b>189.412.512.489</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.800.000.000		100.800.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.063.108.125		3.063.108.125	
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.540.000)		(1.540.000)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		67.512.157.479		60.672.133.397	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.536.710.141		24.878.810.967	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		349.586.570		-	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		32.187.123.571		24.878.810.967	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>264.144.361.264</b>		<b>293.500.412.470</b>	

  
 Nguyễn Thị Hồng Cẩm  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Hữu Quang  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	21	357.006.583.665	384.600.144.556
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	391.605.051	2.617.835.022
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	21	356.614.978.614	381.982.309.534
4. Giá vốn hàng bán	11	22	228.857.429.732	242.670.137.601
5. Lợi nhuận gộp về hàng bán (20=10-11)	20		127.757.548.882	139.312.171.933
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	160.420.149	1.111.173.641
7. Chi phí tài chính	22	25	2.756.629.418	4.538.386.953
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.197.895.543	2.548.756.538
8. Chi phí bán hàng	25	27	65.956.771.798	69.910.944.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	19.547.851.800	21.935.688.221
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		39.656.716.015	44.038.325.942
11. Thu nhập khác	31	26	1.311.690.705	1.236.666.620
12. Chi phí khác	32		204.922.558	543.681.208
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.106.768.147	692.985.412
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		40.763.484.162	44.731.311.354
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	8.843.156.219	9.772.654.387
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	266.795.628	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51+52)	60		32.187.123.571	34.958.656.967
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.714	2.948



Nguyễn Thị Hồng Cẩm  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.763.484.162	44.731.311.354
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.866.852.454	8.923.394.553
Các khoản dự phòng	03	413.113.894	1.420.693.174
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	20.905.949	86.640.638
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(150.906.194)	(369.202.847)
Chi phí lãi vay	06	1.197.895.543	2.548.756.538
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	52.111.345.808	57.341.593.410
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.187.993.797	29.885.742.261
Thay đổi hàng tồn kho	10	24.654.078.508	(4.735.050.092)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(15.064.239.489)	(8.676.122.971)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(731.972.296)	(983.039.748)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.197.895.543)	(2.548.756.538)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.119.495.294)	(12.298.804.511)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.461.140.178
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	2.306.612.847	(5.973.848.893)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.146.428.338	53.472.853.096
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng Tài sản cố định	21	(8.706.429.422)	(13.706.231.427)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	22	99.550.000	273.635.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.500.000.000)	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	51.356.194	95.567.847
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.055.523.228)	(13.337.028.580)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	157.929.157.237	207.943.056.969
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(187.006.320.260)	(213.576.706.930)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.175.661.200)	(21.167.676.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(51.252.824.223)	(26.801.326.561)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(4.161.919.113)	13.334.497.955
Tiền đầu năm	60	19.432.183.665	6.091.948.945
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(20.905.949)	5.736.765
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	15.249.358.603	19.432.183.665



Nguyễn Thị Hồng Cẩm  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 355/QĐ-CTT ngày 17 tháng 3 năm 2003 do Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Trà Vinh cấp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2100274872 ngày 09 tháng 5 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp và các giấy phép điều chỉnh. Giấy phép điều chỉnh mới nhất cho đăng kí thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 01 năm 2017.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 546 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 579 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh và xuất nhập thuốc, hóa dược, dược liệu; đồ uống không cồn và nước khoáng; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình và bán buôn đồ uống.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 53 không ảnh hưởng trọng yếu tới số liệu so sánh.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Công cụ tài chính

###### *Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

###### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn và là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

##### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	3 - 17
Máy móc và thiết bị	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 9
Phương tiện vận tải	3 - 9
Tài sản khác	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Bản quyền và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian lần lượt là 4 năm và 6 năm.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng.

#### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	239.085.500	382.146.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.010.273.103	19.050.037.465
	<b>15.249.358.603</b>	<b>19.432.183.665</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu người lao động	706.718.119	1.633.534.553
Ký cược, ký quỹ	421.809.478	697.998.846
Phải thu khác	3.956.000.421	3.346.603.457
	<b>5.084.528.018</b>	<b>5.678.136.856</b>

**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	14.773.798.717	6.776.155.820	7.997.642.897	13.166.197.377	5.625.010.428	7.541.186.949
Trong đó:						
Trung Tâm Y Tế Huyện Khánh Sơn	2.111.813.544	-	2.111.813.544	2.111.813.544	-	2.111.813.544
Khác	12.661.985.173	6.776.155.820	5.885.829.353	11.054.383.833	5.625.010.428	5.429.373.405

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi đường	2.460.240.000	-	6.696.828.769	-
Nguyên liệu, vật liệu	40.959.985.492	-	37.799.369.221	206.993.129
Công cụ, dụng cụ	123.546.671	-	86.966.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.226.562.138	-	14.477.702.533	-
Thành phẩm	26.538.848.208	306.327.770	32.596.610.494	142.676.695
Hàng hoá	3.727.804.627	-	5.451.500.794	-
Hàng gửi bán	16.183.475.105	-	24.342.184.408	-
	<b>95.220.462.241</b>	<b>306.327.770</b>	<b>121.451.162.219</b>	<b>349.669.824</b>

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 43.342.054 đồng (năm 2015: hoàn nhập 34.818.902 đồng).



9. TĂNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị vận phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	41.972.146.063	67.156.547.585	2.637.970.918	11.683.958.316	60.500.000	123.511.122.882
Tăng trong năm	-	5.022.928.445	76.700.000	650.449.091	-	5.750.077.536
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.714.167.648	-	-	-	-	1.714.167.648
Thanh lý, nhượng bán	(182.055.289)	-	-	-	-	(182.055.289)
Số dư cuối năm	43.504.258.422	72.179.476.030	2.714.670.918	12.334.407.407	60.500.000	130.793.312.777
<b>GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	25.891.276.854	49.125.147.705	1.739.085.522	7.474.486.214	26.888.896	84.256.885.191
Khấu hao trong năm	2.263.736.580	5.681.613.208	299.022.092	1.375.251.594	10.083.336	9.629.706.810
Thanh lý, nhượng bán	(182.055.288)	-	-	-	-	(182.055.288)
Số dư cuối năm	27.972.958.146	54.806.760.913	2.038.107.614	8.849.737.808	36.972.232	93.704.536.713
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	16.080.869.209	18.031.399.880	898.885.396	4.209.472.102	33.611.104	39.254.237.691
Tại ngày cuối năm	15.531.300.276	17.372.715.117	676.563.304	3.484.669.599	23.527.768	37.088.776.064

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 51.463.884.193 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 48.376.140.482 đồng).

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>9.580.962.905</u>	<u>885.378.818</u>	<u>729.532.000</u>	<u>11.195.873.723</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	1.059.513.986	704.128.816	729.532.000	2.493.174.802
Khấu hao trong năm	127.701.180	109.444.464	-	237.145.644
Số dư cuối năm	<u>1.187.215.166</u>	<u>813.573.280</u>	<u>729.532.000</u>	<u>2.730.320.446</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	<u>8.521.448.919</u>	<u>181.250.002</u>	<u>-</u>	<u>8.702.698.921</u>
Tại ngày cuối năm	<u>8.393.747.739</u>	<u>71.805.538</u>	<u>-</u>	<u>8.465.553.277</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.359.910.818 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.271.910.818 đồng).

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/ cần trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	40.034.503.042	40.034.503.042	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.472.654.388	8.843.156.219	6.119.495.294	4.196.315.313
Thuế thu nhập cá nhân	633.984.991	991.764.983	1.543.651.489	82.098.485
Thuế xuất, nhập khẩu	-	334.320.153	334.320.153	-
Thuế nhà đất	-	595.376.261	595.376.261	-
Các loại thuế khác	45.441.581	7.380.400	7.380.400	45.441.581
	<u>2.152.080.960</u>	<u>50.806.501.058</u>	<u>48.634.726.639</u>	<u>4.323.855.379</u>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ ĐANG**

	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
Hạng mục mua đất ở Nhà Bè, TP.HCM	6.160.468.444	6.160.468.444
Hạng mục phần mềm kế toán SS4U	892.000.000	-
Hạng mục khác	64.236.364	75.463.637
	<u>7.106.704.808</u>	<u>6.235.932.081</u>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.310.724.847	1.523.841.018
Khác	425.454.892	480.366.425
	<u>2.736.179.739</u>	<u>2.004.207.443</u>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẪN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
	VND	khả năng trả nợ VND	VND	khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Nectar Lifesciences	5.585.656.000	5.585.656.000	8.409.674.000	8.409.674.000
Công ty TNHH Suheung Việt Nam	5.455.747.000	5.455.747.000	4.673.053.000	4.673.053.000
Công ty TNHH Bao bì Tấn Thành	3.065.272.604	3.065.272.604	1.483.103.358	1.483.103.358
Công ty NOMURA TRADING CO., LTD	2.465.023.800	2.465.023.800	4.733.400	4.733.400
Công ty TNHH SHINE PHARMA	2.116.680.388	2.116.680.388	174.847.838	174.847.838
Công ty Cổ phần Multrium Việt Nam	1.583.680.702	1.583.680.702	4.618.853.237	4.618.853.237
Công ty A.C.T (SPAIN)	1.981.860.000	1.981.860.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	17.914.398.081	17.914.398.081	22.127.639.035	22.127.639.035
	<b>40.168.318.575</b>	<b>40.168.318.575</b>	<b>41.491.903.868</b>	<b>41.491.903.868</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẪN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	2.094.741.505	6.073.091.301
Chi phí khác	766.820.000	766.820.000
	<b>2.861.561.505</b>	<b>6.839.911.301</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẪN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	-	10.079.846.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.220.319.312	870.447.476
	<b>1.220.319.312</b>	<b>10.950.293.476</b>

**17. VAY NGẪN HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có
	VND	khả năng trả nợ VND	VND	VND	VND	khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	29.077.163.023	29.077.163.023	157.929.157.237	187.006.320.260	-	-

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân Hàng TMCP Công Thương Chi Nhánh Trà Vinh và Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Chi Nhánh Trà Vinh dưới hình thức tín dụng thư không còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 29.077.163.023 đồng).

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.080.000	10.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.079.846	10.079.846
- Cổ phiếu quỹ	154	154
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.079.846	10.079.846
- Cổ phiếu phổ thông	10.079.846	10.079.846
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.080.000	10.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.079.846	10.079.846
- Cổ phiếu quỹ	154	154
Mệnh giá (VND)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 100.800.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 100.800.000.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Alkya	60.981.760.000	60.50	-	0.00
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	0.00	43.819.200.000	43.47
Cổ đông khác	39.818.240.000	39.50	56.980.800.000	56.53
	<b>100.800.000.000</b>	<b>100.00</b>	<b>100.800.000.000</b>	<b>100.00</b>

Tại ngày 02 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Alkya đã hoàn tất việc mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và một số cổ đông khác. Cũng tại ngày này, Công ty Cổ phần Alkya trở thành cổ đông mới của Công ty nắm giữ 6.098.176 cổ phần chiếm tỉ lệ là 60,5% vốn điều lệ.

## Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu YND	Thặng dư vốn cổ phần YND	Cổ phiếu quỹ YND	Quỹ đầu tư phát triển YND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối YND	Tổng cộng YND
Số dư đầu năm trước	100.800.000.000	3.063.108.125	(1.540.000)	54.686.743.774	33.367.814.790	191.916.126.689
Lợi nhuận trong năm 2015	-	-	-	-	34.958.656.967	34.958.656.967
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2014	-	-	-	7.115.229.623	(7.115.229.623)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2014	-	-	-	(1.129.840.000)	(5.084.908.567)	(5.084.908.567)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.129.840.000)
Chia cổ tức còn lại năm 2014	-	-	-	-	(21.167.676.600)	(21.167.676.600)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	(10.079.846.000)	(10.079.846.000)
Số dư đầu năm nay	100.800.000.000	3.063.108.125	(1.540.000)	60.672.133.397	24.878.610.967	189.412.512.489
Lợi nhuận trong năm 2016	-	-	-	-	32.187.123.571	32.187.123.571
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2015	-	-	-	6.840.024.082	(6.840.024.082)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	(5.243.798.545)	(5.243.798.545)
Trích quỹ An sinh Xã hội từ Lợi nhuận sau thuế năm 2015	-	-	-	-	(349.586.570)	(349.586.570)
Chia cổ tức còn lại năm 2015	-	-	-	-	(12.095.815.200)	(12.095.815.200)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.800.000.000</b>	<b>3.063.108.125</b>	<b>(1.540.000)</b>	<b>67.512.157.479</b>	<b>32.536.710.141</b>	<b>203.910.435.745</b>

Theo nội dung của Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 15 tháng 7 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2015 cho Quý đầu tư phát triển 6.840.024.082 đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi 5.243.798.545 đồng và chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 22.175.661.200 đồng (trong đó năm 2015 Công ty đã tạm ứng cổ tức là 10.079.846.000 đồng) cho các cổ đông. Trong năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc phân phối các quỹ và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông.

Việc chia cổ tức năm 2016 và phân phối các quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	-	76.498.100
2. Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	40.775	16.873

**20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dược phẩm do Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu của Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>	<b>357.006.583.665</b>	<b>384.600.144.556</b>
Trong đó:		
+ Hoạt động sản xuất	339.238.415.736	346.002.138.649
+ Hoạt động thương mại	17.768.167.929	38.598.005.907
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>391.605.051</b>	<b>2.617.835.022</b>
+ Hàng bán bị trả lại	391.605.051	2.617.835.022
	<b>356.614.978.614</b>	<b>381.982.309.534</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	210.294.632.038	209.254.099.691
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.606.139.748	33.450.856.812
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(43.342.054)	(34.818.902)
	<b>228.857.429.732</b>	<b>242.670.137.601</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hàng thương mại	2.692.927.159	33.275.739.617
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	172.498.908.927	184.775.947.574
Chi phí nhân công	36.188.133.345	47.064.784.147
Chi phí khấu hao tài sản	9.866.852.454	8.923.394.553
Chi phí dự phòng	(311.784.225)	1.420.693.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.906.380.485	4.814.451.972
Chi phí khác bằng tiền	53.183.230.575	59.114.551.773
	<b>281.024.648.720</b>	<b>339.389.562.810</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	51.356.194	95.567.847
Lãi chênh lệch tỷ giá	109.063.955	277.519.491
Chiết khấu thanh toán	-	738.086.303
	<b>160.420.149</b>	<b>1.111.173.641</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.197.895.543	2.548.756.538
Chiết khấu thanh toán	1.206.422.923	901.604.273
Lỗ chênh lệch tỷ giá	352.310.952	1.088.026.142
	<b>2.756.629.418</b>	<b>4.538.386.953</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	99.550.000	273.635.000
Khác	1.212.140.705	963.031.620
	<b>1.311.690.705</b>	<b>1.236.666.620</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	9.057.913.451	9.531.856.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	507.658.606	1.192.960.708
Chi phí trích lập dự phòng	(156.551.653)	1.455.512.076
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.120.265.495	1.031.150.562
Chi phí khác	9.018.565.901	8.724.207.950
	<b>19.547.851.800</b>	<b>21.935.688.221</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	20.862.119.045	21.846.265.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.474.831	1.538.773.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.103.439.587	1.059.064.928
Chi phí khác	43.925.738.335	45.466.839.966
	<b>65.956.771.798</b>	<b>69.910.944.458</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	8.597.375.313	9.772.654.387
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	245.780.906	-
	<b>8.843.156.219</b>	<b>9.772.654.387</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	40.763.484.162	44.731.311.354
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	3.015.590.032	674.212.177
<i>Trừ: Các khoản chi phí không được trừ năm trước được trừ năm nay</i>	(792.197.628)	(984.367.226)
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	42.986.876.566	44.421.156.305
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>8.597.375.313</b>	<b>9.772.654.387</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2015: 22%) trên thu nhập tính thuế.

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Thu nhập thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	266.795.628	-
	<b>266.795.628</b>	<b>-</b>

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	32.187.123.571	34.958.656.967
Quý khen thưởng phúc lợi	(4.828.068.536)	(5.243.798.545)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>27.359.055.035</b>	<b>29.714.858.422</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	10.079.846	10.079.846
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.714</b>	<b>2.948</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu hàng năm được tính từ lợi nhuận sau thuế sau khi loại trừ số liệu ước tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Số liệu dùng để tạm tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 là lợi nhuận sau thuế của năm tài chính tương ứng nhân với tỷ lệ 15% theo như quy định tại nội dung của Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên ngày 15 tháng 7 năm 2016. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chờ Đại hội Cổ đông thông qua việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cũng như các quỹ khác từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016.



**30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.159.905.455</u>	<u>1.199.359.252</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trong vòng một năm	660.000.000	799.896.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>561.000.000</u>	<u>924.000.000</u>
	<u>1.221.000.000</u>	<u>1.723.896.000</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê nhà và đất tại các chi nhánh với giá thuê từ 5.000.000 đồng/tháng đến 16.000.000 đồng/tháng. Các hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ 7 tháng đến 3 năm tính từ năm 2016.

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	15.249.358.603	19.432.183.665
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>90.647.893.015</u>	<u>88.017.466.014</u>
	<u>105.897.251.618</u>	<u>107.449.649.679</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay ngắn hạn	-	29.077.167.023
Phải trả người bán và phải trả khác	44.745.693.666	46.511.005.461
Chi phí phải trả	<u>2.861.561.505</u>	<u>6.839.911.301</u>
	<u>47.607.255.171</u>	<u>82.428.083.785</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	1.720.525.134	1.396.118.114	10.803.642.800	9.034.257.400
Euro (EUR)	-	-	-	1.604.525.000

#### Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đô la Mỹ (USD)	272.493.530	229.144.179
Euro (EUR)	-	80.226.250
	<b>272.493.530</b>	<b>309.370.429</b>

#### Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày cuối năm</b>			
Tiền	15.249.358.603	-	15.249.358.603
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.565.893.015	82.000.000	90.647.893.015
	<b>105.815.251.618</b>	<b>82.000.000</b>	<b>105.897.251.618</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	44.574.693.666	171.000.000	44.745.693.666
Chi phí phải trả	2.861.561.505	-	2.861.561.505
	<b>47.436.255.171</b>	<b>171.000.000</b>	<b>47.607.255.171</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>58.378.996.447</b>	<b>(89.000.000)</b>	<b>58.289.996.447</b>
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày đầu</b>			
Tiền	19.432.183.665	-	19.432.183.665
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.935.466.014	82.000.000	88.017.466.014
	<b>107.367.649.679</b>	<b>82.000.000</b>	<b>107.449.649.679</b>
Các khoản vay	29.077.167.023	-	29.077.167.023
Phải trả người bán và phải trả khác	46.445.005.461	66.000.000	46.511.005.461
Chi phí phải trả	6.839.911.301	-	6.839.911.301
	<b>82.362.083.785</b>	<b>66.000.000</b>	<b>82.428.083.785</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>25.005.565.894</b>	<b>16.000.000</b>	<b>25.021.565.894</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Alkya

Cổ đông lớn kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2016

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Cổ đông lớn (đã thoái vốn kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2016)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Cổ tức được chia trong năm</b>		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	13.583.952.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Cố tức phải trả</b>		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	4.381.920.000

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các quyền lợi gộp khác cho Ban Giám đốc	1.270.387.456	1.368.108.720
Thù lao và thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	900.000.000	900.000.000

Số dư phải trả Hội đồng Quản trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị	225.000.000	225.000.000

### 33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 256.384.837 đồng (năm 2015: 321.219.421 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán.

Ngoài ra, dòng tiền này đã bao gồm một khoản tiền trả trước cho người bán để đầu tư tài sản cố định là 115.026.675 đồng (năm 2015: 1.311.935.938 đồng). Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và phải thu.



Nguyễn Thị Hồng Cẩm  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2017

*Trà Vinh, ngày 20 tháng 4 năm 2017*

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Đã ký)*

**NGUYỄN HỮU QUANG**